

BÀI 8

CẤU TRÚC CỦA VĂN BẢN THÔNG TIN

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc:

VB 1: *Nữ phóng viên đầu tiên* (Trần Nhật Vy)

VB 2: *Trí thông minh nhân tạo* (Trích *50 ý tưởng về tương lai* - Ri-sát Oát-xơn - Richard Watson)

VB 3: *Pa-ra-lim-pich* (Paralympic): *Một lịch sử chữa lành những vết thương* (Huy Đăng)

Thực hành đọc: *Ca nhạc ở Miệt Vườn* (Trích *Văn minh Miệt Vườn* – Sơn Nam)

2. Thực hành tiếng Việt: Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ.

3. Viết: Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.

4. Nói và nghe: Tranh biện về một vấn đề trong đời sống.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 Tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC

Năng lực chung

Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

Năng lực đặc thù

Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); *năng lực văn học*.

Giúp HS:

- Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả đạt được; biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.
- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ, quan điểm của người viết; thể hiện được thái độ, đánh giá đối với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do.
- Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện phi ngôn ngữ) trong việc làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.
- Viết được bài thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.
- Biết tranh biện có hiệu quả và có văn hóa về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.

II. PHẨM CHẤT

- Biết tiếp nhận thông tin đa chiều để xây dựng được tâm thế sống vững vàng, chủ động; coi trọng những giá trị văn hóa được xây đắp bền vững qua thời gian.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), điện thoại có kết nối mạng, hình ảnh, video clip, sơ đồ, được sử dụng để dạy học đọc, viết.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, bảng kiểm, rubric đánh giá bài viết, bài nói.

2. Học sinh.

- Đọc phần Tri thức Ngữ văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK và nhiệm vụ GV giao trước ở nhà.
- Đọc kĩ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 81,82

VĂN BẢN 1: NỮ PHÓNG VIÊN ĐẦU TIÊN

Trần Nhật Vy

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- HS xác định được đề tài, chủ đề văn bản và quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản.
- HS nắm được các ý chính, ý phụ, cách trình bày dữ liệu trong văn bản.
- HS liên hệ được văn bản với bối cảnh xã hội ngoài văn bản, với đời sống đương đại, với những văn bản khác.

2. Phẩm chất: HS có thái độ ủng hộ sự bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Tivi (hoặc máy chiếu), máy tính, phiếu học tập, các dụng cụ khác: bút màu, bút lông, bảng phụ, giấy A0, A4...

2. Học liệu: Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, clip về tác giả và văn bản, phiếu học tập, bảng kiểm,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh chuẩn bị tâm thế tiếp cận bài học.

b. Nội dung hoạt động: Tổ chức trò chơi “**Phóng viên tập sự: Cập nhật tin tức**”

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tham gia Vòng 1: Phóng viên tập sự: Cập nhật tin tức - GV hướng dẫn 3 đội chơi, mỗi đội chơi lựa chọn 3 thành viên ưu tú tham gia trò chơi - Cách thức: + 3 đội chơi lựa chọn vấn đề xã hội mang tính thời sự mà cả 3 cùng quan tâm và có hiểu biết sâu sắc nhất + Các thành viên được sử dụng điện thoại hoặc máy tính kết nối mạng, tìm kiếm hình ảnh, thông tin, clip,... trong thời gian 5 phút và sắp xếp hợp lý thành một bản tin thời sự ngắn Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi theo nhóm thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động, động viên, khuyến khích HS thể hiện năng lực. - Đại diện các đội chơi cùng sự hỗ trợ của các thành viên còn lại trình bày bản tin ngắn trước lớp - HS còn lại cổ vũ, khích lệ các đại diện tham gia trò chơi và chú ý quan sát Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, tuyên dương sự chuẩn bị của các nhóm phóng viên tập sự, tổng hợp các thông tin của HS và dẫn dắt vào bài học.	Phần trình bày của học sinh trong vai Phóng viên tập sự: Cập nhật tin tức.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Nắm được những tri thức cơ bản về cấu trúc của văn bản thông tin.
- Hiểu được mục đích và quan điểm của người viết trong văn bản thông tin.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi: **Hành trang của phóng viên tập sự**

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh về tri thức thể loại của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
------------------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS tham gia **Vòng 2: Hành trang của phóng viên tập sự**

+ Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.64-66 SGK Ngữ văn tập 2 KNTTVCS (5 phút), sau đó gấp SGK lại

+ GV chọn 2 MC dẫn dắt trò chơi và 2 thư kí hỗ trợ ghi điểm (mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm)

- 3 đội chơi ở vòng 1 tiếp tục trò chơi vòng 2 cùng các bạn muốn thử làm phóng viên tập sự tham gia trò chơi bằng cách điền từ ngữ còn thiếu theo sự dẫn dắt của MC

- GV hỗ trợ tư vấn cho MC hệ thống từ ngữ và câu hỏi cần để HS lựa chọn điền vào chỗ trống:

Hệ thống từ ngữ: quan điểm, thái độ; hình thức; tiến trình nhận thức tự nhiên; Bố cục, mạch lạc; trật tự thời gian; mô hình tổ chức thông tin chính; trật tự nhân quả; quan hệ so sánh hoặc tương phản; tầm quan trọng của vấn đề; cung cấp thông tin

Ngữ liệu:

1. Văn bản thông tin thường có những dấu hiệu nổi bật về ... thể hiện qua nhan đề, đề mục, sơ đồ, bảng biểu, chữ in nghiêng, chữ in đậm,...

(Đáp án: **hình thức**)

2. ... của văn bản thông tin thể hiện ở việc người đọc dễ dàng nhận ra chủ đề, các ý chính và ý phụ trong văn bản đó.

(Đáp án: **Bố cục, mạch lạc**)

3. Văn bản thông tin thường được trình bày theo những cách phù hợp với ... của người đọc.

(Đáp án: **tiến trình nhận thức tự nhiên**)

4. Có một số ...: theo trật tự thời gian, theo trật tự nhân quả, theo tầm quan trọng của vấn đề, theo quan hệ so sánh hoặc tương phản.

(Đáp án: **mô hình tổ chức thông tin chính**)

5. Tổ chức thông tin theo ... là trình bày các sự kiện theo tiến trình trước sau mà chúng diễn ra.

(Đáp án: **trật tự thời gian**)

6. Tổ chức thông tin theo ... là dựa vào mối liên hệ giữa một sự kiện với nguyên nhân và kết quả của sự kiện đó.

(Đáp án: **trật tự nhân quả**)

7. Tổ chức theo ... là sắp xếp các thông tin theo cách từ những

I. TRI THỨC NGỮ VĂN

1. Các yếu tố hình thức của văn bản thông tin.

Văn bản thông tin thường có những dấu hiệu nổi bật về **hình thức** thể hiện qua nhan đề, đề mục, sơ đồ, bảng biểu, chữ in nghiêng, chữ in đậm,...

2. Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin.

Bố cục, mạch lạc của văn bản thông tin thể hiện ở việc người đọc dễ dàng nhận ra chủ đề, các ý chính và ý phụ trong văn bản đó.

3. Cách trình bày dữ liệu trong văn bản thông tin.

- Văn bản thông tin thường được trình bày theo những cách phù hợp với tiến trình nhận thức tự nhiên của người đọc.

- Có một số mô hình tổ chức thông tin chính: theo trật tự thời gian, theo trật tự nhân quả, theo tầm quan trọng của vấn đề, theo quan hệ so sánh hoặc tương phản.

- **Tổ chức thông tin theo trật tự thời gian** là trình bày các sự kiện theo tiến trình trước sau mà chúng diễn ra.

- **Tổ chức thông tin theo trật tự nhân quả** là dựa vào mối liên hệ giữa một sự kiện với nguyên nhân và kết quả của sự kiện đó.

- **Tổ chức theo tầm quan trọng của vấn đề** là sắp xếp các thông tin theo cách từ những thông tin quan trọng nhất đến những thông tin ít

thông tin quan trọng nhất đến những thông tin ít quan trọng hơn hoặc ngược lại. (Đáp án: tầm quan trọng của vấn đề) 8. Tổ chức thông tin theo ... là trình bày thông tin theo những đặc điểm tương đồng, khác biệt hoặc đối lập của hai hay nhiều đối tượng. (Đáp án: quan hệ so sánh hoặc tương phản) 9. Mục đích giao tiếp chủ yếu của văn bản thông tin là ..., nhưng bên cạnh đó, nó còn có thể nhắm đến mục đích khác như: thuyết phục, giải trí,... (Đáp án: cung cấp thông tin) 10. Kinh nghiệm, niềm tin của người viết cũng chi phối việc bày tỏ ... đối với vấn đề được đề cập, mặc dù điều này thường không được thể hiện trực tiếp trong văn bản. (Đáp án: quan điểm, thái độ) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu - Thực hiện tham gia trò chơi sau 5 phút chuẩn bị Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS tham gia trò chơi theo đội hoặc xung phong cùng tham gia bằng hình thức viết nhanh từ ngữ vào bảng phụ giờ cao sau khi MC đọc dứt câu hỏi - HS khác quan sát, nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu các đội hoặc cá nhân không trả lời được) Bước 4: Đánh giá, kết luận - Thư kí tổng hợp, báo cáo điểm số - GV nhận xét, chuẩn kiến thức, phát thưởng hoặc cho điểm theo thứ tự đội hoặc cá nhân: Nhất, Nhì, Ba và những HS tích cực trả lời	quan trọng hơn hoặc ngược lại. - Tổ chức thông tin theo quan hệ so sánh hoặc tương phản là trình bày thông tin theo những đặc điểm tương đồng, khác biệt hoặc đối lập của hai hay nhiều đối tượng. 4. Mục đích, quan điểm của người viết trong văn bản thông tin - Mục đích giao tiếp chủ yếu của văn bản thông tin là cung cấp thông tin, nhưng bên cạnh đó, nó còn có thể nhắm đến mục đích khác như: thuyết phục, giải trí,... - Kinh nghiệm, niềm tin của người viết cũng chi phối việc bày tỏ quan điểm, thái độ đối với vấn đề được đề cập, mặc dù điều này thường không được thể hiện trực tiếp trong văn bản.
---	--

2.2. Đọc và tìm hiểu khái quát về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu:

- HS biết cách đọc văn bản 1- văn bản báo chí hiện đại (biên khảo về lịch sử), nắm được thông tin về tác giả Trần Nhật Vy, nhận biết đóng góp của tác giả đối với nền báo chí nước nhà.
- HS nắm được xuất xứ bài báo *Nữ phóng viên đầu tiên*.
- HS xác định được bố cục của bài viết.

b. Nội dung hoạt động: HS đọc văn bản, tìm hiểu tác giả, văn bản dựa vào SGK và các nguồn thông tin khác để thực hiện nhiệm vụ tiếp theo của trò chơi: **Phóng viên tập sự đưa tin**.

c. Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh theo nhóm (đã chuẩn bị từ trước ở nhà).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm bằng cách tổ chức cho HS tham gia Vòng 3: Phóng viên tập sự đưa tin. - GV hỗ trợ tư vấn cho HS thảo luận nhóm ở nhà, chuẩn bị: + Đưa tin về tác giả Trần Nhật Vy + Đưa tin về bài báo <i>Nữ phóng viên đầu tiên</i> + Ghi âm bản đọc văn bản kèm hình ảnh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm thực hiện video, các slide trình chiếu,... ở nhà Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1-2 đại diện các đội chơi thực hiện phần đưa tin về tác giả, tác phẩm. - Những HS khác nhận xét, góp ý. - HS trình bày tiếp thu phản hồi ý kiến. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của HS và định hướng HS tự chốt kiến thức.	II. ĐỌC VÀ TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ TÁC GIẢ, VĂN BẢN 1. Đọc văn bản Lựa chọn trình chiếu video đọc của HS đã chuẩn bị (nếu có) 2. Tìm hiểu khái quát về tác giả và văn bản a. Tác giả. - Trần Nhật Vy (Nguyễn Hữu Vang), sinh năm 1956 tại Đồng Tháp. - Tác phẩm chính (Sgk tr.70) - Ông là nhà báo, tác giả của nhiều tác phẩm biên khảo về lịch sử báo chí và văn hóa Sài Gòn. b. Văn bản. - Xuất xứ: In trên báo <i>Tuổi trẻ</i>, ngày 18/6/2015. - Bố cục: 4 phần + Phần sa-pô được in đậm ở đầu văn bản. + Phần mở đầu từ “Nói “nữ phóng viên chính hiệu” là bởi” đến “Đó là Mạnh Mạnh nữ sĩ”. + Phần giới thiệu chân dung nhân vật từ “Mạnh Mạnh nữ sĩ tên thật là Nguyễn Thị Kiêm” đến “bà lấy chồng người Pháp và qua Pháp ở cho đến ngày mất”. + Phần kết luận từ “Đối với văn học Việt Nam” đến hết.

2.3. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS xác định được đề tài, chủ đề văn bản và quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản.
- HS nắm được các ý chính, ý phụ, cách trình bày dữ liệu trong văn bản.
- HS liên hệ được văn bản với bối cảnh xã hội ngoài văn bản, với đời sống đương đại, với những văn bản khác.
- HS có thái độ ủng hộ sự bình đẳng, tôn trọng sự khác biệt.

b. Nội dung:

- HS làm việc cá nhân kết hợp hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của đại diện nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	III. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Trình tự triển khai của văn bản

- GV chia lớp thành 5 nhóm - HS sử dụng giấy A0, thảo luận các yêu cầu sau: Nhóm 1: Tìm hiểu trình tự triển khai của văn bản: Văn bản được triển khai theo trình tự nào? Đánh giá hiệu quả của việc triển khai văn bản theo trình tự đó. Nhóm 2: Tìm hiểu vấn đề đặt ra trong văn bản và cách tiếp cận vấn đề của tác giả: Phong trào xã hội nào đã được nói đến trong văn bản? Theo bạn, cách tác giả viết về phong trào ấy có điểm gì đặc biệt? Nhóm 3: Tìm hiểu chân dung nhân vật trong văn bản: Hãy nhận xét về cách giới thiệu chân dung nhân vật trong văn bản. Theo bạn, chân dung ấy có được tái hiện một cách khách quan hay không? Vì sao? Nhóm 4: Tìm hiểu yếu tố miêu tả và tự sự thể hiện qua việc diễn tả không khí thời đại và phong trào Thơ mới: - Bạn hình dung như thế nào về không khí thời đại được tái hiện trong văn bản? - Qua văn bản, bạn biết thêm điều gì về phong trào Thơ mới? Nhóm 5: Bài viết gợi cho bạn suy nghĩ gì về vị thế của phụ nữ trong các cuộc vận	- Tiểu sử của nhân vật: + Tên khai sinh: Nguyễn Thị Kiêm. + Năm sinh, năm mất: 1914 – 2005. + Quê quán: Gò Công. + Gia đình: Con ông tri huyện Nguyễn Đình Trị. - Các hoạt động xã hội của nhân vật: + Học trường Trung học Nữ sinh bản xứ. + Làm nghề báo khi mới mười bảy tuổi (năm 1931). + Sáng tác và diễn thuyết đề ủng hộ phong trào Thơ mới. + Ủng hộ nữ quyền, tạo ra một phong trào phụ nữ rất sôi nổi trong xã hội (từ năm 1932 đến năm 1934). - Đời sống cá nhân của nhân vật: + Kết hôn với nhà báo Lư Khê Trương Văn Em (năm 1937). + Lấy chồng người Pháp (năm 1950) và sinh sống ở Pháp cho đến khi mất (năm 2005). => Nhận xét: Văn bản được triển khai theo trình tự thời gian. Cách triển khai này làm nổi bật diễn biến cuộc đời nhân vật song song với những chuyển biến mạnh mẽ của xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX. Nói cách khác, qua cuộc đời của nhân vật, ta có thể hình dung ra không khí của thời đại. 2. Vấn đề đặt ra trong văn bản và cách tiếp cận vấn đề của tác giả - Vấn đề được đề cập trong văn bản: Phong trào nữ quyền qua chân dung của một cá nhân, một người phụ nữ. - Điểm đặc biệt: + Trong bài viết, lịch sử thời đại hiện lên một cách rất cụ thể, sống động, giàu cảm xúc. + Tác giả cho thấy sự gắn bó mật thiết giữa cá nhân và lịch sử. Cá nhân làm nên lịch sử, mặt khác, chân dung và số phận của mỗi cá nhân lại cho thấy hơi thở, bầu không khí của thời đại. 3. Chân dung nhân vật trong văn bản - Nhân vật được tái hiện trên nhiều bình diện (tiểu sử, dung mạo, các hoạt động xã hội, đời sống cá nhân), với các tư cách khác nhau: một người phụ nữ, một thi sĩ, một nhà báo, một nhà hoạt động xã hội. - Thông qua những chi tiết được cung cấp trong văn bản, tác giả tái hiện sống động chân dung của nữ sĩ đi ngược lại tất cả những chuẩn mực và định kiến của xã hội: từ ngoại hình đến tính cách, hành động, đời sống riêng tư khác thường... => Cách giới thiệu chân dung nhân vật ấn tượng: không
---	--

động xã hội? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm thảo luận, thống nhất ghi kết quả ra giấy A0, lựa chọn người báo cáo kết quả - GV theo dõi, động viên, khích lệ hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện các nhóm HS trình bày kết quả - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến và nhận xét, đánh giá hoạt động của các nhóm theo Rubric đánh giá thảo luận nhóm (Phụ lục 1).	chỉ trần thuật lại những sự kiện về hoạt động của nhân vật, mà còn trích dẫn trực tiếp lời nói của bà, lời nhận xét, đánh giá của người đương thời về nhân vật. Việc trích dẫn trực tiếp giúp làm nổi bật quan điểm và đặc biệt là cá tính của nhân vật, đồng thời giúp tái hiện lời ăn tiếng nói cũng như không khí tranh luận, đối thoại rất sôi nổi của đời sống xã hội Việt Nam thời kì này. 4. Yếu tố miêu tả và tự sự thể hiện qua việc diễn tả không khí thời đại và phong trào Thơ mới - Những chi tiết miêu tả bối cảnh thời đại: “Lần thứ nhất một bạn gái lên diễn đàn và cũng lần thứ nhất có một cuộc diễn thuyết được đông người nghe như thế”; “cuộc tranh luận dài trên báo chí cả trong Nam lẫn ngoài Bắc”; “khi ấy vẫn còn quan niệm: “Đến thế kỉ thứ XX, đàn bà An Nam lại có nảy sanh một số người quái gở! Họ vượt ra khỏi buồng the, chẳng theo lễ giáo cũ: Họ cũng đi học đi làm như đàn ông. Họ tự do đi, đứng, nói cười, ra giữa công chúng vọt banh, đá cầu, lập hội hè, đến chỗ đông mà tranh cãi”; “công chúng đã ồ ạt kéo đến hội quán phố Hàng Trống như nước chảy, lũ lượt bọn năm bọn ba”; “Trên gác, dưới nhà, không một chỗ hở”;...). - Không khí thời đại được tái hiện, đó là sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống văn hoá, xã hội Việt Nam buổi giao thời, trong đó có sự xung đột và giao tranh giữa cái cũ và cái mới, giữa những định kiến về người phụ nữ và những nỗ lực của các cá nhân và tổ chức để đấu tranh khẳng định sự tự do, bình đẳng của người phụ nữ. Văn bản cũng mô tả cục diện "trăm hoa đua nở" của báo chí thời kì đầu, không khí đối thoại, tranh luận, diễn thuyết rất sôi nổi trong lĩnh vực báo chí, ở các không gian công cộng và những thay đổi mạnh mẽ trong ý thức hệ của công chúng. - Văn bản cho ta biết thêm về quá trình hình thành của phong trào Thơ mới, về một nữ thi sĩ vốn được nhắc tới không nhiều trong các nghiên cứu về Thơ mới, đồng thời giúp ta nhận ra những đóng góp của một nữ nhà báo đối với sự phát triển của phong trào này. 5. Thân phận và vị thế của phụ nữ trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX - Văn bản tái hiện vị thế lương nan của phụ nữ trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX. Một mặt, họ rất nỗ lực để khẳng định cá tính, sự tự do, bình đẳng của mình, mặt khác, họ vẫn
--	---

	rất đơn độc và bị coi là dị biệt, thiểu số. Có thể nhận ra điều này ở sự đối lập giữa một bên là các thông tin miêu tả hoạt động tích cực của nhân vật trên mặt trận xã hội và một bên là những thông tin ít ỏi nhưng đắt giá về đời sống riêng tư với rất nhiều trở ngại của nhân vật, những bình luận nhiều định kiến về nhan sắc của phụ nữ từ điểm nhìn của đàn ông. - Những phụ nữ đã có đóng góp đặc biệt trong các cuộc vận động xã hội ở thời đại chúng ta: Mẹ Tê-rê-sa, chủ nhân của giải Nobel Hoà bình năm 1979, là nữ tu, nhà truyền giáo với những hoạt động nhân đạo và cứu giúp người nghèo; Ma-la-na lu-xa-dai, chủ nhân giải Nobel Hoà bình năm 2014, là nhà hoạt động xã hội đã chống lại sự trấn áp và khủng bố của Taliban để đấu tranh cho nữ quyền,...)
--	---

2.4. Hướng dẫn HS tổng kết

- a. **Mục tiêu:** HS nắm được kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin
- b. **Nội dung:** HS thảo luận theo cặp
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Từ trải nghiệm đọc văn bản <i>Nữ phóng viên đầu tiên</i> (Trần Nhật Vy), hãy chia sẻ kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động thảo luận theo cặp ghi chép lại trên giấy nhớ - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện một số cặp phát biểu. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá kết quả, định hướng kĩ năng đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại .	IV. TỔNG KẾT Kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin: - Nhận biết được đề tài, thông tin chính của văn bản, các chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được bố cục, sự mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của văn bản. - Nêu nội dung bao quát của văn bản. - Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản. - Lý giải được cách đặt nhan đề của tác giả. - Phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) trong văn bản. - Đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết được thể hiện trong văn bản. - Rút ra thông điệp, bài học từ nội dung văn bản - Trình bày thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Rèn cho học sinh kỹ năng viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về một vấn đề được đặt ra từ văn bản.
- HS thực hành viết để củng cố kiến thức đã học trong văn bản.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết.

c. Sản phẩm: Đoạn văn 150 chữ của học sinh theo yêu cầu.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Vị thế của phụ nữ ngày hôm nay đã thay đổi như thế nào so với vị thế của phụ nữ Việt Nam đầu thế kỉ XX? Bằng những kiến thức thực tế cũng như những thông tin đã đọc được trong văn bản <i>Nữ phóng viên đầu tiên</i>, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) trình bày những hiểu biết của bạn. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận tìm ý, sau đó thực hành viết cá nhân. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh). - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Bảng kiểm đánh giá đoạn văn (Phụ lục 2). Bước 4: Đánh giá, kết luận - Giáo viên nhận xét, đánh giá theo Bảng kiểm đánh giá đoạn văn (Phụ lục 2) hoặc cho điểm HS. - GV thu các bài viết làm hồ sơ phục vụ cho việc đánh giá kết quả học tập của học sinh.	- Trong xã hội phong kiến, vai trò của nam giới được coi trọng và đề cao tuyệt đối, còn người phụ nữ bị coi rẻ và chịu rất nhiều những định kiến khắc nghiệt - Ngày nay, trong cuộc sống hiện đại, người phụ nữ có vai trò rất lớn ở nhiều lĩnh vực khác nhau: + Trong gia đình, người phụ nữ có ảnh hưởng to lớn tới hạnh phúc và sự ổn định của gia đình; từ đó, đem lại sự cân bằng, bình yên trong cuộc sống. + Trong xã hội, phụ nữ còn tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho sự phát triển của đất nước, nhiều phụ nữ trở thành chính trị gia, nhà khoa học nổi tiếng, nhà quản lý năng động ...

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực riêng của tất cả các HS trong việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập vận dụng theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS hình thành các nhóm học tập: Nhóm sưu tầm: Sưu tầm những tư liệu viết về người phụ nữ trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX đến nay. Nhóm đưa tin: Dựa trên những tư liệu của nhóm sưu tầm cung cấp, thực hiện những bản tin ngắn (theo số) về	- Nhóm sưu tầm: triển lãm những tư liệu viết về người phụ nữ trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX đến nay. - Nhóm đưa tin: viết bài hoặc làm video đưa tin theo số ra của

người phụ nữ trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX đến nay. Nhóm sáng tác: Sáng tác các tác phẩm nghệ thuật về đề tài người phụ nữ Việt Nam hiện đại. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm năng lực. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày sản phẩm (vào tiết học sau hoặc ngoại khóa). Bước 4: Đánh giá, kết luận GV căn cứ năng lực của nhóm HS nhận xét đánh giá hoặc cho điểm để khích lệ HS phát triển.	bản tin. - Nhóm sáng tác: trưng bày các tác phẩm nghệ thuật về đề tài người phụ nữ Việt Nam hiện đại (hội họa, âm nhạc, thơ, văn,...)
---	--

Phụ lục

Phụ lục 1. Rubric đánh giá thảo luận nhóm

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐÃ LÀM TỐT (5 – 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Trả lời còn sơ sài, trình bày cẩu thả Sai lỗi chính tả	1 điểm Trả lời tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả	2 điểm Trả lời tương đối đầy đủ, chỉn chu Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng câu hỏi trọng tâm Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn Nội dung sơ sài, mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao	6 điểm Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn Trả lời đúng trọng tâm Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao Có sự sáng tạo
Hiệu quả nhóm (2 điểm)	0 điểm Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động	1 điểm Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thống nhất Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động	2 điểm Hoạt động gắn kết Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 2. Bảng kiểm đánh giá đoạn văn

Vị thế của phụ nữ ngày hôm nay đã thay đổi như thế nào so với vị thế của phụ nữ Việt Nam đầu thế kỉ XX? Bằng những kiến thức thực tế cũng như những thông tin đã đọc được trong văn bản *Nữ phóng viên đầu tiên*, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) trình bày những hiểu biết của bạn.

STT	Tiêu chí đánh giá	Yêu cầu	Kết quả	
			Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn	Trình bày đoạn văn theo một cách hoặc kết hợp các cách: diễn dịch, quy nạp, tổng-phân-hợp, song hành hoặc móc xích, đảm bảo yêu cầu về cấu trúc đoạn văn và dung lượng.		
2	Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	Sự thay đổi vị thế của phụ nữ ngày hôm nay so với vị thế của phụ nữ Việt Nam đầu thế kỉ XX		
3	Triển khai vấn đề nghị luận	Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách; từ đó làm rõ sự thay đổi vị thế của phụ nữ ngày hôm nay so với vị thế của phụ nữ Việt Nam đầu thế kỉ XX, đảm bảo hợp lí, thuyết phục phù hợp với chuẩn mực, đạo đức và pháp luật		
4	Chính tả, dùng từ, đặt câu	Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt		
5	Sáng tạo	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thành các nhiệm vụ.
- Chuẩn bị văn bản 2: *Trí thông minh nhân tạo*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 83,84

VĂN BẢN 2: TRÍ THÔNG MINH NHÂN TẠO (Trích 50 ý tưởng về tương lai - Ri-sát Oát-xơn - Richard Watson)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp:**

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức nổi bật của văn bản thông tin như nhan đề, đề mục, infographic,...

- HS xác định được đề tài, chủ đề của văn bản, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu trong văn bản.

- HS nhận biết và đánh giá được thái độ, quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản.

- HS biết tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống và với những văn bản khác.

2. Phẩm chất: Biết coi trọng giá trị của thông tin, không ngừng mở mang hiểu biết về đời sống xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, điện thoại thông minh có kết nối internet, các dụng cụ khác: bút màu, bút lông, bảng phụ, giấy A0, A4...

2. Học liệu: Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, phiếu học tập, bảng kiểm,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối với những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

b. Nội dung hoạt động:

- **Cách 1:** Tổ chức trò chơi “Đấu trí cùng AI (Chát GPT hoặc Google)” – Thế giới quanh ta

- **Cách 2:** HS chia sẻ những hiểu biết về *Trí thông minh nhân tạo*.

c. Sản phẩm: Hiểu biết của HS về *Trí thông minh nhân tạo*.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Cách 1: GV tổ chức cho HS tham gia phần 1 trò chơi: “Đấu trí cùng AI (Chát GPT hoặc Google)” – Thế giới quanh ta (nếu điều kiện cơ sở vật chất cho phép) + GV chọn 5 HS xung phong tham gia đấu trí cùng AI + GV chọn 1 HS điều khiển AI + GV đặt câu hỏi: Thế giới quanh ta đang diễn ra như thế nào? + 5 HS và AI (do 1 HS điều khiển) cùng thể hiện sản phẩm trên Padlet + Tất cả các HS tham gia chơi thực hiện trực tiếp trên Padlet. + HS điều khiển AI sẽ sao chép thông tin của Chát GPT hoặc 3 thông tin đầu tiên của Google và paste lên Padlet cùng lúc với 5 HS tham gia chơi. - Cách 2: Hãy chia sẻ những điều bạn đã biết và muốn biết về <i>Trí thông minh nhân tạo</i>? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ - GV và những HS còn lại quan sát, khích lệ, động viên HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận Cách 1: - GV chia sẻ các sản phẩm của HS và AI (phần mềm Padlet) trước lớp. - Các HS khác quan sát, nhận xét sản phẩm của 5 HS tham gia đấu trí cùng AI. Cách 2: 2-3 HS xung phong chia sẻ hiểu biết và mong muốn được biết của cá nhân về <i>Trí thông minh nhân tạo</i>. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, so sánh, đánh giá các sản phẩm của HS và AI (Về thời gian, về ý tưởng, về diễn đạt, về văn hóa,...) đối với cách tổ chức 1 hoặc bày tỏ quan điểm đồng tình, khích lệ HS tiếp tục hướng tìm hiểu về <i>Trí thông minh nhân tạo</i> đối với cách tổ chức 2. - GV dẫn dắt vào bài học.	- Cách 1: Sản phẩm của 6 HS trên phần mềm Padlet - Cách 2: HS chia sẻ hiểu biết và mong muốn được biết của cá nhân về <i>Trí thông minh nhân tạo</i>.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung văn bản

- Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản *Trí thông minh nhân tạo* một cách hiệu quả.
- Nội dung hoạt động:** HS đọc văn bản và tìm hiểu tri thức có liên quan.
- Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân
- Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1. GV hướng dẫn cách đọc văn bản:	I. Đọc và tìm hiểu chung văn bản 1. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản: Lưu ý đến các dấu hiệu hình thức nổi bật của văn bản thông tin như nhan đề, sa-pô, các đề mục, hình ảnh,... - GV gọi 1 - 2 HS đọc. - GV kiểm tra kĩ năng đọc của HS qua việc trả lời nhanh các câu hỏi trong các box ở lề phải của văn bản. 2. Tìm hiểu chung văn bản: - GV tiếp tục tạo đội chơi gồm 5 thành viên khác đầu trí cùng AI, GV chọn 1 HS lên điều khiển AI - GV đặt câu hỏi: Tìm hiểu Ri-sát Oát-xơn và văn bản <i>Trí thông minh nhân tạo</i>. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - NV1: HS đọc văn bản - NV2: HS thực hiện nhiệm vụ như trong phần khởi động, sản phẩm của đội chơi HS và AI đều được thể hiện trên Padlet. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV trình chiếu sản phẩm 2 đội chơi - Các HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức chung.	2. Tìm hiểu chung văn bản a. Tác giả - Ri-sát Oát-xơn sinh năm 1961, là nhà tương lai học và giảng viên đại học người Anh. - Ông cũng là cây bút nổi tiếng về các phát minh, sáng chế và là người phân tích, dự đoán các xu hướng toàn cầu trong tương lai. - Tác phẩm tiêu biểu: <i>Hồ sơ tương lai: lược sử 50 năm tới</i> (2007); <i>Trí tuệ tương lai: kỉ nguyên thông tin đã thay đổi đầu óc chúng ta như thế nào, tại sao và chúng ta có thể làm gì</i> (2010); <i>Kỹ thuật số và con người: chúng ta sẽ sống, yêu và suy nghĩ ra sao trong tương lai</i> (2016);... b. Văn bản - Xuất xứ: Văn bản <i>Trí thông minh nhân tạo</i> được trích trong <i>50 ý tưởng về tương lai</i> (2012) của Ri-sát Oát-xơn. - Nội dung: Cuốn sách đã đưa ra nhưng dự báo nhiều mặt về tương lai nhân loại. Những viễn cảnh này buộc người đọc phải suy tư về những lựa chọn và hành động của mình trong hiện tại. - Bố cục: 4 phần + Phần 1 (từ “Năm 1956” đến “trong vòng một thập kỉ”): Giới thiệu về trí thông minh nhân tạo + Phần 2 (tiếp theo đến “nhóm chuyên gia nào”): Những khả năng của trí tuệ nhân tạo + Phần 3 (tiếp theo đến “sẽ đảm nhiệm trong tương lai”): Tương lai của trí tuệ nhân tạo + Phần 4 (Còn lại): Kết luận
--	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức nổi bật của văn bản thông tin như nhan đề, đề mục, infographic,...
- HS xác định được đề tài, chủ đề của văn bản, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu trong văn bản.
- HS nhận biết và đánh giá được thái độ, quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản.
- HS biết tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống và với những văn bản khác.

- b. Nội dung hoạt động:** GV hướng dẫn HS khám phá văn bản theo nhóm học tập.
- c. Sản phẩm:** Kết quả chuẩn bị của nhóm.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Bước 1: GV chia lớp thành 5 nhóm thảo luận theo yêu cầu: Nhóm 1: Tóm tắt các mốc thời gian và các thành tựu chính trong quá trình phát triển của trí thông minh nhân tạo. Phát biểu suy nghĩ của bạn về các thông tin vừa được tóm tắt. (Gợi ý: HS đọc phần đầu văn bản từ đầu đến “các nhà thiết kế ra nó?” và ghi lại các từ khóa trong các đoạn văn. Dựa vào các từ khóa, lựa chọn phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp để biểu đạt thông tin.) Nhóm 2: Đánh giá hiệu quả thông tin của sơ đồ được tác giả sử dụng. (Gợi ý thảo luận: <i>Những kí hiệu trên sơ đồ cho bạn biết những thông tin gì? Tác dụng của sơ đồ trong văn bản.</i>) Nhóm 3: Xác định chủ đề, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu trong văn bản (theo Phiếu học tập) <table><tr><th>Ý chính</th><th>Ý phụ</th><th>Chủ đề</th></tr><tr><td></td><td></td><td rowspan="6"></td></tr><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr><tr><td></td><td></td></tr></table> Nhóm 4: Theo bạn, việc trình bày những thông tin trái chiều về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo và việc nêu lên những câu hỏi ở phần cuối văn bản cho thấy quan điểm, thái độ gì của tác giả? Nhóm 5: Tác giả đưa ra những dự đoán gì về tương lai của trí thông minh nhân tạo? Bạn có đồng tình với những dự đoán đó không? Vì sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	Ý chính	Ý phụ	Chủ đề														II. Khám phá văn bản 1. Các yếu tố hình thức của văn bản thông tin - Quá trình phát triển và thành tựu của trí thông minh nhân tạo: + Năm 1956, thuật ngữ “trí thông minh nhân tạo (AI)” ra đời. + Năm 2008, một máy tính cá nhân xử lí 10 tỉ lệnh/s. + Năm 2040 dự đoán bộ não máy tính xử lí 100 nghìn tỉ lệnh/s. → Trí thông minh nhân tạo phát triển với tốc độ nhanh chóng. - Sơ đồ: với các mốc năm và sự kiện được tóm tắt. + Nội dung sơ đồ: biểu thị những dự báo của tác giả về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo, cho thấy tốc độ phát triển nhanh chóng cũng như khả năng ngày càng lớn của trí thông minh nhân tạo, từ chỗ là một công cụ được tạo bởi con người tới chỗ có thể cạnh tranh với não bộ người, đòi quyền bình đẳng với con người. + Tác dụng: ++ Sơ đồ thời gian trong văn bản đã trực quan hóa các mốc thời gian, các sự kiện quan trọng trong quá trình phát triển của trí thông minh nhân tạo ++ Nhờ sử dụng sơ đồ các thông tin được trình bày ngắn gọn, mạch lạc, logic, giúp người đọc dễ dàng nắm bắt thông tin. 2. Bố cục, mạch lạc của văn bản - Chủ đề - Các ý chính, ý phụ - Cách trình bày dữ liệu trong văn bản Trí thông minh nhân tạo (Phiếu học tập – Phụ lục 1) 3. Quan điểm của Ri-sát Oát-xơn về Trí thông minh nhân tạo
Ý chính	Ý phụ	Chủ đề															

- HS trao đổi nhóm. - GV quan sát, động viên, hỗ trợ HS (nếu cần). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày kết quả. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, bổ sung và chốt các vấn đề: - Các yếu tố hình thức của văn bản thông tin. - Bố cục, mạch lạc của văn bản. - Quan điểm của Ri-sát Oát-xơn về <i>Trí thông minh nhân tạo</i>.	- Tác giả nêu những ý kiến trái chiều về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo và nêu các câu hỏi ở phần cuối văn bản cho thấy sự chất vấn, không xác quyết trong cái nhìn của tác giả về tương lai. - Dự đoán những viễn cảnh có thể xảy ra: + Máy móc có thể bắt kịp những năng lực của con người, con người có thể hợp nhất với máy móc và đạt tới sự bất tử ở một mức nào đó. + Máy móc trở nên rất thông minh và có thể thay thế nhiều công việc mà con người đang đảm nhiệm. → Đòi hỏi con người phải nâng cao trình độ, hiểu biết của mình để bắt kịp sự phát triển của công nghệ trong tương lai.
--	---

2.3. Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: HS nắm được kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin

b. Nội dung: HS thảo luận theo cặp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Từ trải nghiệm đọc văn bản <i>Trí thông minh nhân tạo</i> (Ri-sát Oát-xơn), hãy chia sẻ kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động thảo luận theo cặp ghi chép lại trên giấy nhớ - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện một số cặp phát biểu. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá kết quả, định hướng kĩ năng đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.	III. TỔNG KẾT Kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin: - Nhận biết được bố cục, sự mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của văn bản. - Phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) trong văn bản. - Đánh giá được thái độ và quan điểm của người viết được thể hiện trong văn bản. - Trình bày thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi: “Ai nhanh hơn?”

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV củng cố kiến thức bài học cho HS qua một số câu hỏi Trắc nghiệm khách quan thông qua trò chơi: “**Ai nhanh hơn?**”

Câu 1. Văn bản *Trí thông minh nhân tạo* được trích từ:

A. Hồ sơ tương lai: lược sử 50 năm tới

B. Kỹ thuật số và con người: chúng ta sẽ sống, yêu và suy nghĩ ra sao trong tương lai

C. 50 ý tưởng về tương lai

D. Trí tuệ tương lai: kỉ nguyên thông tin đã thay đổi đầu óc chúng ta như thế thế nào, tại sao và chúng ta có thể làm gì?

Câu 2. Thuật ngữ trí thông minh nhân tạo được ra đời vào năm nào?

A. 1946

C. 1966

B. 1956

D. 1976

Câu 3. Thuật ngữ trí thông minh nhân tạo do ai đặt ra:

A. Giôn Mác Cát-thi

C. Bin Can-vin

B. Mít-sen Cây-pơ

D. Một đáp án khác

Câu 4. Thuật ngữ trí thông minh nhân tạo được viết tắt là:

A. IA

C. IB

B. AI

D. BI

Câu 5. Theo số liệu nghiên cứu năm 2008 thì một máy tính có thể xử lí bao nhiêu lệnh mỗi giây?

A. 10 tỉ lệnh

C. 90 tỉ lệnh

B. 20 tỉ lệnh

D. Một con số khác

Câu 6. Theo tác giả thì đến năm 2040 các bộ não máy có thể xử lí bao nhiêu lệnh mỗi giây?

A. Gần 100 nghìn tỉ lệnh

C. Gần 300 nghìn tỉ lệnh

B. Gần 200 nghìn tỉ lệnh

D. Một con số khác

Câu 7. Theo Giôn Mác Cát-thi thì kỉ nguyên của các cỗ máy thông minh sẽ trở thành sự thực trong thời gian bao lâu?

A. 5 năm

C. 20 năm

B. 10 năm

D. 30 năm

Câu 8. Theo nhà tương lai học Ray Cơ-dơ-uên thì máy tính sẽ vượt qua bài kiểm tra Tu-rinh vào năm nào?

A. 2019

C. 2039

B. 2029

D. 2049

Câu 9. Theo Bin Can-vin, vì sao máy tính không bao giờ mô phỏng được não người?

A. Vì máy tính không thể siêu nhiên được thế

B. Vì não người quá phức tạp

C. Vì con người không thể phát minh ra máy tính như vậy

D. Vì não người gồm nhiều lớp

Câu 10. Hệ quả của việc những cỗ máy AI mạnh sẽ có khả năng học hỏi khi chúng vận hành và phản ứng lại những sự kiện bất ngờ là gì?

A. Khả năng chẩn đoán bệnh và phẫu thuật, lập kế hoạch quân sự và ra lệnh chiến đấu

B. Chăm sóc khách hàng được tự động hóa

C. Những chú rô-bốt với óc sáng tạo và tính tự động nhân tạo có thể dự đoán và đối phó tội phạm

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- + HS mở điện thoại thông minh, trên nền tảng Google vào phần mềm Quizizz.
- + Học sinh thảo luận cặp đôi và thực hiện trả lời 10 câu hỏi trắc nghiệm củng cố nội dung bài học.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- + HS thực hiện trả lời 10 câu hỏi trên điện thoại thông minh theo cặp đôi trong thời gian 3 phút.
- + GV quan sát, theo dõi.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV công bố cặp đôi thắng cuộc, trả lời đúng và nhanh nhất.
- GV trao thưởng cho cặp đôi thắng cuộc.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Kết nối đọc – viết và tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống và với những văn bản khác.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập vận dụng theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*NV1: Kết nối đọc- viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) tóm tắt những thông tin thú vị mà bạn thu thập được về trí thông minh nhân tạo.</i> - GV lưu ý HS : + Nhớ lại những thông tin đã thu thập được về trí thông minh nhân tạo trong quá trình chuẩn bị bài trước khi học và sau khi đọc văn bản, từ đó, lập sơ đồ tóm tắt các thông tin. + Dựa vào sơ đồ tóm tắt, viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) dưới dạng văn bản thuyết minh. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	* Kết nối đọc- viết: Trí tuệ nhân tạo hay trí thông minh nhân tạo (AI) là một thuật ngữ khiến cho nhiều người phải tò mò và muốn tìm hiểu. Đây là trí tuệ do con người lập trình tạo nên với mục tiêu giúp các loại máy móc có thể tự động hóa các hành vi thông minh như con người. Trí tuệ nhân tạo giúp máy móc có được những trí tuệ cơ bản giống như con người: biết suy nghĩ và lập luận để giải quyết vấn đề, biết giao tiếp do hiểu ngôn ngữ, tiếng nói, biết học và tự thích nghi... Thậm chí, vào năm 2015, lần đầu tiên trên thế giới, người ra đã cấp quyền công dân cho Rô-bốt trí tuệ nhân tạo có tên Sophia (Mỹ). Thật kì diệu khi trí tuệ nhân tạo đang ngày càng phát triển và được ứng dụng phổ biến trong cuộc sống! Điều đó đã giúp con người chúng ta có thể dự báo được một số rủi ro do thảm họa thiên nhiên mang lại, giảm thiểu được một số công việc trong môi trường độc hại, hóa chất..., xóa bỏ khoảng cách ngôn ngữ,... Tuy nhiên, khi trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh mẽ sẽ đặt ra một vài vấn đề khiến con người cũng cần phải có những thay đổi về nhận thức và hành động để tránh bị phụ

GV mời 2- 3 HS trình bày đoạn văn của mình. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét đánh giá bài làm của HS theo bảng kiểm (Phụ lục 2) *NV2: Mở rộng, suy nghĩ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Kỹ thuật Think – pair – share <i>Tìm hiểu thêm các tác phẩm nghệ thuật về trí thông minh nhân tạo. Bạn suy nghĩ gì khi liên hệ các thông tin trong văn bản với những tác phẩm nghệ thuật mà mình đã biết?</i> HS suy nghĩ cá nhân, sau đó thảo luận cặp đôi rồi chia sẻ trước lớp (câu hỏi 6 sgk đã nghiên cứu trước ở nhà) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS chia sẻ theo kỹ thuật Think – pair – share. Có thể giao vấn đề theo dãy/ nhóm, hình thành các góc học tập. - HS tích cực chia sẻ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV gọi một số HS trình bày - Các HS khác lắng nghe, đánh giá, bổ sung ý kiến Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, định hướng HS giải quyết vấn đề thực tiễn trong tương quan liên hệ văn bản.	thuộc vào máy móc, hay gạt bỏ tầm quan trọng của con người trong cuộc sống hằng ngày. Mỗi người chúng ta hãy luôn học hỏi, trau dồi tích lũy và không ngừng thay đổi tích cực để giữ thế chủ động khi đứng lên một bàn cân so sánh với máy móc. Hãy làm mình trở nên tự tin, bản lĩnh mà không thể để một con rô-bốt nào có thể mô phỏng! * Mở rộng, suy nghĩ: - Các tác phẩm nghệ thuật đề cập đến trí thông minh nhân tạo, VD: + Vở kịch <i>Các rô-bốt toàn năng của Rô-xum</i> viết năm 1920 của nhà văn Ka-ren Ca-pếch (Karel Capek) vẽ ra viễn cảnh về cuộc chiến giữa người và máy dẫn đến nguy cơ hủy diệt của loài người + Tiểu thuyết <i>Tôi là người máy</i> xuất bản năm 1950 của I-xắc A-xi-nô (Isaac Asimov) tiên báo sự ra đời của một thế hệ rô-bốt có tâm lý như con người. + Bộ phim <i>Rô-bốt biết yêu</i> (tựa gốc tiếng Anh là Wall-E) của đạo diễn An-đriu Xtây-ton (Andrew Staton) phát hành vào năm 2008 kể về hành trình giải cứu Trái Đất của một chú rô-bốt tên là Wall-E được thiết kế để dọn rác, khi Trái Đất đã trở thành một biển rác thải khổng lồ. + Bộ phim <i>Her</i> (Nàng) được phát hành vào năm 2013, do Xờ-pai Giôn-de (Spike Jonze) viết kịch bản kiêm đạo diễn và sản xuất, kể về mối tình giữa một người đàn ông làm nghề viết thư thuê với một hệ điều hành,.... - Các tác phẩm nghệ thuật này đều vẽ nên viễn cảnh nơi rô-bốt ngày càng trở nên thông minh và quan trọng, thậm chí vượt khỏi sự kiểm soát của con người, chỉ phối ngược lại con người. Các nghệ sĩ, một mặt đã tiên đoán về sự phát triển của rô-bốt, mặt khác thông qua các viễn tưởng về rô-bốt, đặt ra những vấn đề của nhân loại: sự lên ngôi của vật chất và máy móc, nguy cơ hủy diệt của nền văn minh công nghiệp, sự mất mát và phai nhạt của nhân tính, nỗi cô đơn của con người, nỗi âu lo của nhân loại trước sự đe dọa của máy móc và công nghệ,... Nghệ thuật đã góp phần khiến cho rô-bốt trở thành một trong những huyền thoại quan trọng nhất của thế giới hiện đại.
--	---

Phụ lục:

Phụ 1. Phiếu học tập

Ý chính	Ý phụ	Chủ đề
1. Tốc độ phát triển của trí thông minh nhân tạo	- Năm 1956: Giôn Mác Cát-thi (John Mc Carthy) đặt ra thuật ngữ “trí thông minh nhân tạo”. - Năm 2008: Máy tính cá nhân có khả năng xử lí khoảng 10 tỉ lệnh mỗi giây. - Năm 2040: Máy tính được dự báo có khả năng xử lí gần 100 nghìn tỉ lệnh mỗi giây.	Dự báo về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo trong tương lai.
2. Các loại trí thông minh nhân tạo	- AI mạnh: Cổ máy có khả năng suy nghĩ thực sự. - AI yếu: Trí thông minh được dùng để bổ sung.	
3. Các quan điểm trái chiều về trí thông minh nhân tạo	- Một số người tin vào khả năng học hỏi và phản ứng của máy tính. - Một số người cho rằng máy tính không thể vượt qua não bộ con người.	
4. Tác động của trí thông minh nhân tạo đối với đời sống con người	- Nuôi dưỡng các ý tưởng, danh tiếng, thông tin, cái được gọi là trí thông minh tổng hợp. - Giúp người mua và người bán tạo ra nhiều hàng hoá hơn, hiệu quả hơn. - Tạo ra nhiều tri thức hơn với ít thiên lệch và theo đuổi một dải các quy định rộng hơn.	
5. Dự đoán những viễn cảnh có thể xảy ra	- Phải chăng não bộ con người chỉ là một cỗ máy vật chất, có thể bị thay thế bởi máy móc và con người có thể đạt tới sự hợp nhất với máy móc? - Khi máy móc trở nên rất thông minh, điều gì có thể xảy đến với những người làm những việc mà máy móc sẽ đảm nhiệm trong tương lai?	

Phụ 2. Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Yêu cầu	Kết quả	
			Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo cấu trúc đoạn văn	Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề.		
2	Xác định đúng vấn đề	<i>Trí thông minh nhân tạo</i>		
3	Triển khai vấn đề	Phân tách các thông tin thu được thành ý chính, ý phụ		

4	Chính tả, dùng từ, đặt câu	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu		
5	Sáng tạo	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản thông tin của Ri-sát Oát-xon và các tác giả khác có cùng đề tài, chủ đề.
- Chuẩn bị bài: *Pa-ra-lim-pich (Paralympic): Một lịch sử chữa lành những vết thương* (Huy Đăng)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 85,86

VĂN BẢN 3:

PA-RA-LIM-PÍCH (PARALYMPIC): MỘT LỊCH SỬ CHỮA LÀNH NHỮNG VẾT THƯƠNG

HUY ĐĂNG

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp:**

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức nổi bật trong văn bản như sa-pô, đề mục, hình ảnh.

- HS nhận biết được bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết.

- HS phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, nhận biết được thái độ, quan điểm của người viết.

2. Phẩm chất: HS có thái độ sống nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, điện thoại thông minh có kết nối internet, các dụng cụ khác: bút màu, bút lông, bảng phụ, giấy A0, A4...

2. Học liệu: Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, phiếu học tập, bảng kiểm,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

b. Nội dung hoạt động: Tổ chức trò chơi “Đi tìm bí mật của thông tin”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: “Đi tìm bí mật của thông tin” - GV chọn thư ký ghi điểm, MC dẫn chương trình cuộc chơi - GV kết hợp cùng MC trình chiếu lần lượt những gợi dẫn để HS trả lời - Khi học sinh có ý kiến trả lời thì màn hình dừng: Màn hình dừng ở STT thứ 1, người chơi đạt mức điểm cao nhất 100 điểm, STT tăng thì điểm giảm đi 10 điểm - Các thông tin gợi dẫn: 1. Tôi vận động 2. 4 năm 1 lần 3. Mùa đông 1992 tại Albertville, Pháp 4. Mùa hè 2008 ở Bắc Kinh 5. Vận động viên 6. Cuộc thi Xe lăn Quốc tế 1948 7.	- “Đi tìm bí mật của thông tin”: <u>Đề tài:</u> Paralympic



8.

9. Sống nhân ái, tôn trọng sự khác biệt

Bí mật của thông tin: Paralympic

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ qua trò chơi.
- Quyền trả lời được quyết định bằng bấm chuông (hoặc giờ tay).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV tổ chức hoạt động.
- Câu trả lời của HS.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét các câu trả lời, công bố kết quả trò chơi và trao thưởng, dẫn vào bài học.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và cảm nhận chung về văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS đọc và cảm nhận chung về văn bản

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc, thảo luận cặp đôi, bày tỏ cảm nhận, thu thập thông tin

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc văn bản: - GV hướng dẫn HS đọc văn bản, các HS khác lắng nghe và chú ý đến những thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản 2. Cảm nhận chung về văn bản: Yêu cầu: HS thảo luận cặp đôi trong thời gian tối đa 02 phút cảm nhận chung về văn bản (gợi ý thảo luận: về dấu hiệu hình thức, về bố cục) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV gọi 3 HS đọc văn bản - HS thảo luận cặp đôi cảm nhận chung về văn bản.	I. Đọc và cảm nhận chung về văn bản 1. Đọc văn bản 2. Cảm nhận chung về văn bản - Dấu hiệu hình thức đặc biệt: + Nhan đề giới thiệu chủ đề văn bản, + Đề mục tô đậm nội dung chính + Phương tiện phi ngôn ngữ là hình ảnh, số liệu,... - Bố cục: 2 phần: + Phần 1. Mục tiêu ban đầu: Sự ra đời và phát triển của Pa-ra-lim-pích

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các cặp khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	+ Phần 2. Vượt qua những nỗi đau: Câu chuyện về hành trình vượt qua nỗi đau, chữa lành vết thương của hai vận động viên khuyết tật: Gia cô Van Gát và Brét-ly Xnai-đơ.
---	---

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức nổi bật trong văn bản như sa-pô, đề mục, hình ảnh.
- HS nhận biết được bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết.
- HS phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, nhận biết được thái độ, quan điểm của người viết.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS khám phá văn bản thông qua hoạt động cá nhân và làm việc nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm, Phiếu học tập số 1,2

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu trong văn bản

Ý chính	Ý phụ	Chủ đề		
		Chủ đề của văn bản	Cách tiếp cận vấn đề của tác giả	Phương pháp xác định chủ đề của văn bản

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tìm hiểu yếu tố hình thức của văn bản

Yếu tố phi ngôn ngữ				Yếu tố tự sự	
Hình ảnh		Số liệu		Câu chuyện trong văn bản	Tác dụng
Hình ảnh trong văn bản	Tác dụng	Số liệu trong văn bản	Tác dụng		

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận theo các vấn đề sau: Nhóm 1: Tìm hiểu bố cục, mạch	II. Khám phá văn bản 1. Tìm hiểu bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu trong văn bản (Phiếu HT số 1 – Phụ lục 1)

lạc, cách trình bày dữ liệu trong văn bản bằng cách hoàn thành Phiếu HT số 1 Nhóm 2: Tìm hiểu các yếu tố hình thức của văn bản bằng cách hoàn thành Phiếu HT số 2 Nhóm 3: Tìm hiểu quan điểm của người viết Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Nhiệm vụ 1: HS làm việc theo nhóm 1, 2, 3 để hoàn thành nhiệm vụ đã giao Nhiệm vụ 2: Hình thành các nhóm mới với 3 thành viên thuộc 3 nhóm ban đầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số nhóm trình sản phẩm - HS khác nhận xét, phản biện, đánh giá theo Phiếu Rubric đánh giá sản phẩm thuyết trình của các nhóm (Phụ lục 3) - GV quan sát, hỗ trợ Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, bổ sung theo Phiếu Rubric đánh giá sản phẩm thuyết trình của các nhóm (Phụ lục 3) và chốt kiến thức	2. Các yếu tố hình thức của văn bản (Phiếu HT số 2 – Phụ lục 2) 3. Quan điểm của tác giả - Quan điểm của tác giả trước hết được thể hiện qua việc chọn lọc thông tin: là các sự kiện quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Pa-ra-lim-pích để cho thấy đại hội thể thao dành cho người khuyết tật đã ra đời từ nhu cầu chữa lành và hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển nhờ những nỗ lực hỗ trợ, nâng đỡ người khuyết tật và đang dần trở thành một sân chơi bình đẳng mà người khuyết tật có cơ hội được tham dự giống như tất cả các vận động viên bình thường khác => Từ đó, tác giả bộc lộ quan điểm: thể thao có tác dụng hàn gắn, chữa lành những vết thương. Thể thao không chỉ là sân chơi của kẻ mạnh mà là sân chơi của tất cả mọi người, kể cả những người khuyết tật, từ đó truyền đi thông điệp về tính nhân văn và bình đẳng trong thể thao. - Quan điểm của tác giả còn thể hiện qua việc lựa chọn hai ví dụ tiêu biểu về hai vận động viên khuyết tật. Tác giả đã chọn lọc chi tiết nhấn mạnh những tai nạn và tổn thương mà các nhân vật gặp phải, những thành tích phi thường, cũng như trích dẫn trực tiếp lời nói thể hiện thái độ sống của nhân vật => Từ đó, tác giả bộc lộ quan điểm: thể thao là phương tiện kì diệu có thể giúp mỗi cá nhân vượt qua các tổn thương và nỗi đau để khẳng định giá trị, sức mạnh của bản thân. Qua đó, tác giả còn truyền đi thông điệp lạc quan về khả năng hồi phục và chữa lành của nhân loại.
--	--

2.3. Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: HS rút ra chiến lược đọc hiểu văn bản thông tin

b. Nội dung: HS thảo luận theo cặp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Từ trải nghiệm đọc văn bản <i>Pa-ra-lim-pich</i> (Paralympic): <i>Một lịch sử chữa lành những vết thương</i> (Huy Đăng), hãy rút ra chiến lược đọc hiểu văn bản thông tin một	III. Tổng kết Chiến lược đọc hiểu văn bản thông tin hiệu quả: - Bước 1: Đọc kĩ nhan đề, các đề mục, phần mở đầu, những lời bình luận trực tiếp để nhận

cách hiệu quả. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động thảo luận theo cặp. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện một số cặp phát biểu. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá kết quả, rút ra chiến lược đọc hiểu văn bản thông tin hiệu quả.	ra đề tài, chủ đề, cách tiếp cận chủ đề của tác giả - Bước 2: Tóm tắt các ý chính, ý phụ và mối liên hệ giữa các thông tin trong văn bản. - Bước 3: Chỉ ra cách thức chọn lọc, trình bày và sắp đặt thông tin của tác giả. - Bước 4: suy luận để tìm ra quan điểm của tác giả - Bước 5: Nhận xét, đánh giá về quan điểm đó.
---	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi: “**Rung chuông vàng mini**”

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV củng cố kiến thức bài học cho HS qua một số câu hỏi Trắc nghiệm khách quan thông qua trò chơi: “**Rung chuông vàng mini**”

Câu 1. Paralympic là gì?

A. Tên phong trào thể thao dành cho người khuyết tật

B. Tên phong trào thể thao dành cho người khuyết tật vì chiến tranh

C. Tên phong trào thể thao chuyên về đua xe đạp

D. Tên phong trào thể thao dành cho tất cả mọi người

Câu 2. Cội nguồn của Paralympic là:

A. Sự kiện thể thao dành cho các nạn nhân chiến tranh

B. Sự kiện thể thao dành cho mọi người bị khuyết tật bẩm sinh

C. Sự kiện thể thao dành cho những người không may bị tai nạn khi lớn lên

D. Không ý kiến nào đúng

Câu 3. Paralympic ra đời vào năm nào?

A. 1950

C. 1948

B. 1960

D. 1945

Câu 4. Người khởi xướng nên Paralympic là:

A. Gia-co Van- Gat

C. Xnai-đơ

B. Lút-vích Gát-mừn

D. Một người khác

Câu 5. Năm 1948, cuộc đua thể thao dành cho các cựu chiến binh thể chiến thứ 2 có tên là gì?

A. Thế vận hội Đua thuyền Quốc tế

C. Thế vận hội Xe lăn Quốc tế

B. Thế vận hội Xe ba bánh Quốc tế

D. Tất cả đều sai

Câu 6. Tại cuộc đua thể thao đầu tiên dành cho các cựu chiến binh thể chiến thứ 2 có bao nhiêu vận động viên tham gia?

A. 14

C. 16

B. 15

D. 17

Câu 7. Năm 1988 cả Pa-ra-lim-pích và Ô-lim-pích đều được tổ chức tại thành phố:

A. Hy Lạp

C. Thổ Nhĩ Kỳ

B. Seoul

D. Một đáp án khác

Câu 8. Pa-ra-lim-pích 2020 tổ chức ở:

A. Bắc Kinh

C. Paris

B. Hà Nội

D. Tô-ky-ô

Câu 9. Trong lần tham dự Pa-ra-lim-pích đầu tiên, Van Gát đã dành được:

A. Hai huy chương Vàng và hai huy chương Bạc

B. Hai huy chương Vàng và một huy chương Bạc

C. Hai huy chương Vàng và một huy chương Đồng

D. Hai huy chương Bạc và một huy chương Đồng

Câu 10. Xnai-đơ là vận động viên tham dự môn thể thao nào của các kì Pa-ra-lim-pích 2012 và 2016?

A. Đua xe

C. Bắn súng

B. Bơi lội

D. Nhảy cầu

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- 8 HS tham gia chơi thực hiện trả lời 10 câu hỏi trắc nghiệm củng cố nội dung bài học.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS thực hiện trả lời 10 câu hỏi trong thời gian 5 phút.

- 1 MC dẫn chương trình; GV hỗ trợ trình chiếu câu hỏi cùng MC; các HS khác quan sát, theo dõi.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV công bố HS theo thứ tự: Nhất, Nhì, Ba.

- GV trao thưởng cho HS: Nhất, Nhì, Ba.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn và kết nối đọc – viết.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập vận dụng theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Bài tập 1: Kỹ thuật Think – pair – share Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Văn bản giúp bạn hiểu thêm gì về vấn đề nỗi đau nói chung? Ta có thể ứng xử như thế nào với nỗi đau và những khiếm	1. Bài tập 1: Think – pair – share - Văn bản đề cập tới ba nhân vật: 1. Bác sĩ Gát-mừn, người từng là nạn nhân của thảm họa diệt chủng, cũng là người tổ chức sự kiện thể thao đầu tiên cho người khuyết tật sau Thế chiến II,

khuyết trên cơ thể của mình và của người khác? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS chia sẻ theo kĩ thuật Think – pair – share. - HS tích cực chia sẻ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi một số HS trình bày suy nghĩ. - Các HS khác lắng nghe, đánh giá, bổ sung ý kiến. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét đánh giá hoặc cho điểm để khích lệ HS. 2. Bài tập 2: Viết đoạn văn Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) về khả năng chữa lành của thể thao. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS viết ở nhà. - GV cung cấp bảng kiểm cho HS (Phụ lục 4). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS gửi bài vào nhóm lớp. - Các HS đánh giá dựa vào bảng kiểm (Phụ lục 4) theo phân công chéo từ giáo viên. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét đoạn văn của HS, chuẩn hoá kiến thức, kĩ năng.	2. Gia-co Van- Gat và Bret-ly Xnai-đơ, những cựu binh khuyết tật nặng nề đã giành chiến thắng trong các kỳ thi Pa-ra-lim-pích => Họ đã biến những trải nghiệm đau khổ của mình thành động lực để tạo nên sự thay đổi trong xã hội, học cách thích nghi và tìm ra hướng đi mới cho cuộc sống. - Nỗi đau: những tổn thương, mất mát con người gặp phải trong hành trình dài rộng của cuộc đời, có thể do khách quan, có thể do chủ quan. Nỗi đau có thể đến với bất kì ai và bất kì lúc nào, không báo trước - Ứng xử với nỗi đau và khiếm khuyết trên cơ thể của mình và người khác: Tôn trọng sự khác biệt, sống bình đẳng, sống yêu thương, chia sẻ, tích cực, lạc quan,... 2. Bài tập 2: Viết đoạn văn Gợi ý: - Thể thao có lợi cho sức khỏe và có khả năng chữa lành những nỗi đau: + Thể thao giúp chúng ta nâng cao sức đề kháng + Thể thao mang lại một cơ thể dẻo dai, hình thể lí tưởng + Thể thao làm cho tinh thần chúng ta luôn tràn đầy năng lượng mỗi ngày + Thể thao giúp ta tin tưởng vào sức mạnh chính mình => Giúp con người có thái độ sống tích cực, lạc quan, kết nối con người với con người, lan tỏa năng lượng tích cực tới mọi người
--	---

Phụ lục:

Phụ lục 1.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tìm hiểu bố cục, mạch lạc, cách trình bày dữ liệu trong văn bản

Ý chính	Ý phụ	Chủ đề		Phương pháp xác định chủ đề của văn bản
		Chủ đề của văn bản	Cách tiếp cận vấn đề của tác giả	
Lịch sử	+ Sự kiện đánh dấu sự ra đời của	Lịch sử và	Khả năng	Tìm hiểu

ra đời của Pa-ra-lim-pích	Pa-ra-lim-pích diễn ra vào năm 1948, bác sĩ Gát-mừn đứng ra tổ chức một cuộc thi đấu thể thao dành cho các cựu chiến binh thế chiến II người Anh, mang tên thể vận hội Xe lăn Quốc tế. + Đến năm 1960, kì Pa-ra-lim-pích đầu tiên được tổ chức ở Rô-ma có 400 vận động viên đến từ 23 quốc gia + Hai năm sau, thành lập tổ chức thể thao dành cho người khuyết tật + Năm 1988, tại Xơ-un, Pa-ra-lim-pích và Ô-lim-pích thống nhất được tổ chức cùng nhau tại một thành phố, sử dụng cùng cơ sở vật chất và liên mạch về thời gian.	ý nghĩa của đại hội thể thao dành cho người khuyết tật Pa-ra-lim-pích.	của thể thao trong việc chữa lành các thương tổn => Mới mẻ, độc đáo và nhân văn.	nhân đề, các đề mục, phần mở đầu của văn bản
Vượt qua những nỗi đau	+ Câu chuyện về Van Gát + Câu chuyện về Brét-ly Xnai-đơ + Ý nghĩa của những câu chuyện vượt qua nỗi đau			

Phụ lục 2.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2
Tìm hiểu yếu tố hình thức của văn bản

Yếu tố phi ngôn ngữ				Yếu tố tự sự	
Hình ảnh		Số liệu		Câu chuyện trong văn bản	Tác dụng
Hình ảnh trong văn bản	Tác dụng	Số liệu trong văn bản	Tác dụng		
- Hình ảnh về những vận động viên thể thao đầu tiên thể hiện sự đối lập giữa một bên là vết thương và nỗi đau mà	Hình ảnh ghi lại khoảnh khắc lịch sử khiến cho văn bản	Giải đấu đầu tiên có 16 vận động viên; trong kì Pa-ra-lim-pích đầu tiên có 400 vận động viên đến từ 23 quốc gia cho	- Tăng tính trực quan, sinh động của văn bản, phối hợp với	Câu chuyện về sự ra đời và phát triển của Pa-ra-lim-pích từ chỗ là một sự kiện thể thao nhỏ và tự phát đã trở thành một thể vận hội quốc tế.	Câu chuyện này thể hiện những nỗ lực của nhân loại trong việc hỗ trợ, chữa lành những vết thương và đem lại cơ hội bình đẳng cho người khuyết tật

họ phải đối mặt (hình ảnh chiếc xe lăn) với một bên là niềm lạc quan của các vận động viên (nụ cười rạng rỡ). - Gương mặt phúc hậu và bàn tay đặt lên vai các vận động viên của bác sĩ Gát-mừn gợi lên sự tin tưởng, động viên, nâng đỡ đầy thân ái của ông.	thông tin càng trở nên chân thực, thuyết phục; đồng thời gợi lên cho người đọc nhiều cảm xúc, suy tưởng	thấy sự phát triển nhanh chóng của phong trào thể thao dành cho người khuyết tật; con số 8164m chiều cao của núi Manaslu, 335km chiều dài của hành trình chinh phục Nam Cực	phương tiện ngôn ngữ khơi gợi thêm cảm xúc, liên tưởng của người đọc. - Nhấn mạnh nỗ lực và sức mạnh phi thường của con người	Câu chuyện về hành trình vượt qua nỗi đau của Gia-cô Van Gát- một vận động viên khuyết tật vốn là cựu quân nhân người Anh và Brét-ly Xnai-đơ- một vận động viên khiếm thị từng phục vụ trong hải quân Mỹ.	Câu chuyện làm nổi bật sức mạnh ý chí, tinh thần lạc quan của con người cũng như khả năng của thể thao trong việc “chữa lành vết thương”
=> Tác dụng của yếu tố tự sự trong văn bản: + Trình bày thông tin theo trật tự thời gian, dưới dạng thức câu chuyện hấp dẫn, thuyết phục. + Vừa tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn và gợi lên nhiều cảm xúc, suy tư nơi người đọc, vừa góp phần truyền tải một cách gián tiếp và khéo léo thông điệp của tác giả.					

Phụ lục 3.

Phiếu Rubric đánh giá sản phẩm thuyết trình của các nhóm:			
Họ tên người đánh giá: Nhóm được đánh giá:.....			
TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT (5 – 7 điểm)	TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Trình bày cầu thả; Sai nhiều lỗi chính tả	1 điểm Trình bày tương đối cẩn thận; Không có lỗi chính tả	2 điểm Trình bày cẩn thận; Không có lỗi chính tả; Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Chưa trả lời đúng trọng tâm Nội dung sơ sài	4 – 5 điểm Trả lời tương đối đầy đủ; Trả lời đúng trọng tâm	6 điểm Trả lời đầy đủ; đúng trọng tâm Có sự sáng tạo

	0 điểm	1 điểm	2 điểm
Thuyết trình (2 điểm)	Lời nói còn ấp úng, chưa đủ âm lượng nghe, chưa tự tin	Lời nói tương đối rõ ràng, âm lượng đủ nghe nhưng chưa tự tin	Lời nói rõ ràng, âm lượng đủ nghe. Phong thái tự tin, có tương tác với người nghe.
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 4.

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN

STT	Tiêu chí	Yêu cầu	Kết quả	
			Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo cấu trúc đoạn văn	Có đủ các phần mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề.		
2	Xác định đúng vấn đề	Khả năng chữa lành của thể thao.		
3	Triển khai vấn đề	Phân tách các thông tin thu được thành ý chính, ý phụ		
4	Chính tả, dùng từ, đặt câu	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu		
5	Sáng tạo	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề được nói tới		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản thông tin cùng đề tài, chủ đề.
- Chuẩn bị bài: **Thực hành tiếng Việt**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện phi ngôn ngữ) trong việc làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản.

- HS biết tạo lập một văn bản thông tin liên quan đến những nội dung được học dưới dạng infographic.

2. Phẩm chất

- HS biết trân trọng, yêu mến và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, làm giàu khả năng biểu đạt của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, giấy nhớ, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video, hình ảnh liên quan,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khơi gợi hứng thú, tạo tiền đề, kết nối với bài học

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát bài báo theo 2 cách và nhận xét theo yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS quan sát 1 bài báo theo 2 cách: + Cách 1: Tiếp cận bài báo ở dạng toàn kênh chữ + Cách 2: Tiếp cận bài báo ở dạng kênh chữ kết hợp kênh hình https://tuoitre.vn/gen-z-va-the-he-cu-ai-thich-nghi-ai-20240106094137477.htm - GV yêu cầu HS: Nhận xét sự khác biệt khi tiếp cận văn bản theo 2 cách trên.	* Giống nhau: Đề cập đến mối quan hệ thích nghi giữa các lứa tuổi trong xã hội * Khác nhau: - Cách 1: Chỉ có phương tiện giao tiếp ngôn ngữ - Cách 2: Ngoài phương

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát trao đổi thảo luận theo nhóm bàn - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi. - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài.	tiện giao tiếp là ngôn ngữ còn có thêm hình ảnh (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) => Cách 2 sẽ tạo được sự hấp dẫn, thú vị, giúp cho việc tiếp nhận vấn đề dễ hiểu, dễ hình dung hơn.
---	---

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận biết và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện phi ngôn ngữ) trong việc làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm thực hiện bài tập 1,2 tr.78,79 trong SGK

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<u>1. Bài 1 tr. 78</u> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên cho HS đọc lại các văn bản 1,2,3 của bài 8 - <i>Cấu trúc của văn bản thông tin</i> - HS thảo luận cặp đôi và thực hiện bài tập 1 trong SGK trang 78 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lại 3 văn bản theo yêu cầu - HS trao đổi, thảo luận cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ - GV quan sát, khích lệ, động viên HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện cặp đôi trình bày kết quả - HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá kết quả làm việc của HS theo Dự kiến sản phẩm <u>2. Bài 2 tr. 79</u> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm Nhiệm vụ 1: - Nhóm 1&2: Thực hiện mục a. Những thông tin chính nào được trình bày trong văn bản <i>Ứng dụng của trí tuệ nhân tạo</i> ? Các thông tin được sắp xếp theo trình tự và bố cục như thế nào?	<u>I. Nhận biết tác dụng của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ</u> <u>1. Bài 1 tr. 78:</u> * Bài <i>Nữ phóng viên nữ đầu tiên</i> sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh * Bài <i>Trí thông minh nhân tạo</i> sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: sơ đồ * Bài <i>Pa-ra-lim-pích: Một lịch sử chữa lành những vết thương</i> sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh ⇒ Tác dụng: - Hình ảnh giúp người đọc hình dung cụ thể về đối tượng được đề cập; - Sơ đồ giúp người đọc tiếp nhận những thông tin cốt lõi một cách trực quan. <u>2. Bài 2 tr. 79:</u> * Văn bản <i>Ứng dụng của trí tuệ nhân tạo</i> : - Ở văn bản <i>Trí thông minh nhân tạo</i> , tác giả cung cấp các thông tin về trí thông minh (trí tuệ) nhân tạo từ các phương diện: lịch sử phát triển, phân loại, các quan điểm trái chiều, tác động và dự đoán những viễn cảnh có thể xảy ra, trình bày theo các ý chính, ý phụ bằng phương tiện ngôn ngữ và có minh họa bằng sơ đồ.

Phân tích hiệu quả sử dụng phối hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong văn bản (đối chiếu với cách thể hiện thông tin của văn bản <i>Trí thông minh nhân tạo</i>). - Nhóm 3 & 4: Thực hiện mục b. Văn bản <i>Huy Cận: Nhà thơ lớn của thơ Việt Nam hiện đại</i> trình bày những thông tin chính nào về tác giả Huy Cận? So với nội dung trình bày về Huy Cận ở Bài 2 - <i>Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình</i> (sách giáo khoa <i>Ngữ văn 11</i>, tập một), cách thể hiện thông tin của văn bản trên có điểm gì khác biệt? - Cả 4 nhóm đồng thời thực hiện mục c. Hai văn bản trên được gọi là infographic (đồ họa thông tin). Theo bạn, có thể sử dụng hình thức trình bày này vào những hoạt động nào trong học tập? Nhiệm vụ 2: Mỗi thành viên nhóm 1 kết hợp với một thành viên nhóm 3, mỗi thành viên nhóm 2 kết hợp với một thành viên nhóm 4, tạo nhóm cặp đôi mới thảo luận kết quả các nhóm lớn vừa tìm được ở trên Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi, thảo luận hoàn thành nhiệm vụ (vào giấy A0 ở nhiệm vụ 1 và giấy nhớ ở nhiệm vụ 2) - GV quan sát, khích lệ, động viên HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện cặp đôi trình bày kết quả - HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá kết quả làm việc của HS theo Dự kiến sản phẩm	- Ở văn bản <i>Ứng dụng của trí tuệ nhân tạo</i>, tác giả tập trung giới thiệu khái niệm trí tuệ nhân tạo và ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực, với cách trình bày trực quan, ngắn gọn, có sự phối hợp màu sắc, hình ảnh, biểu tượng, ngôn ngữ. ⇒ Như vậy, nếu văn bản <i>Trí thông minh nhân tạo</i> nghiêng về việc đưa ra các thông tin đa dạng, toàn diện về vấn đề thì văn bản <i>Ứng dụng của trí tuệ nhân tạo</i> lại chú trọng làm nổi bật các thông tin cốt lõi nhất về đối tượng. * Văn bản <i>Huy Cận: Nhà thơ lớn của thơ Việt Nam hiện đại</i> - Ở văn bản <i>Huy Cận: Nhà thơ lớn của thơ Việt Nam hiện đại</i> trình bày những thông tin chính về Huy Cận: Vị thế của ông trong xã hội, tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp sáng tác. - Ở bài 2 - <i>Cấu tứ và hình ảnh trong thơ trữ tình</i> nội dung trình bày về Huy Cận có phân tích cặn kẽ hơn. ⇒ Cách thể hiện thông tin của 2 văn bản khác nhau, bởi một bên dùng kênh chữ để trình bày thông tin, một bên có sự kết hợp của phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (biểu tượng, hình ảnh, màu sắc, cách sắp xếp và trình bày thông tin). ⇒ Hai văn bản trên được gọi là infographic (đồ họa thông tin). Trong học tập, có thể sử dụng hình thức trình bày này vào những hoạt động như: hoạt động nhóm thuyết trình, poster cho những hoạt động ngoại khóa,...
--	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết vận dụng cách sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ dưới dạng infographic và vận dụng kiến thức đã học để thiết kế những thông tin chính về một tác giả văn học có tác phẩm được học trong sách giáo khoa *Ngữ Văn* lớp 11 hoặc những thông tin chính của một văn bản được học ở Bài 8 - *Cấu trúc của văn bản thông tin*.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát, đọc SGK, tìm hiểu tài liệu trên mạng internet, hoàn thành sản phẩm theo tổ (ở nhà).

c. Sản phẩm: Kết quả thực hành bài tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

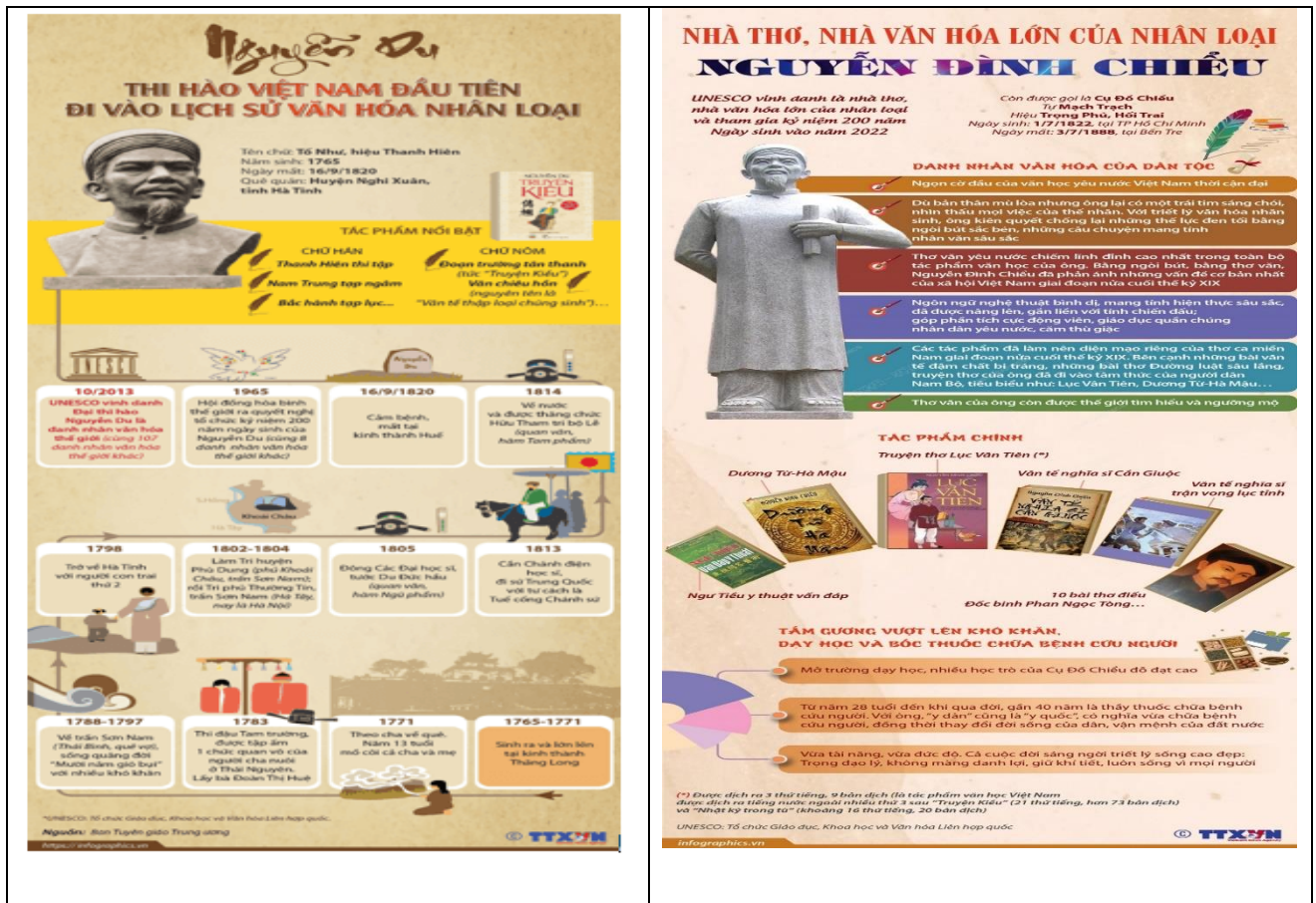
Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia nhiệm vụ theo 4 tổ: * Nhiệm vụ 1 (tổ 1,2): Thiết kế một infographic: Tóm tắt những thông tin chính về một tác giả văn học có tác phẩm được học trong sách giáo khoa Ngữ Văn lớp 11. * Nhiệm vụ 2 (tổ 3,4): Thiết kế một infographic: Tóm tắt những thông tin chính của một văn bản được học ở Bài 8 - <i>Cấu trúc của văn bản thông tin</i>. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các tổ thực hiện nhiệm vụ ở nhà Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các tổ gửi sản phẩm thiết kế lên nhóm lớp. - GV hướng dẫn HS đánh giá và tự đánh giá sản phẩm bằng Rubric (Phụ lục 1). Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét đánh giá sản phẩm, tinh thần làm việc của các tổ, dự kiến sản phẩm tham khảo (Phụ lục 2,3,4,5).	II. Luyện tập, vận dụng <u>3. Bài 3 tr. 80:</u> a. Thiết kế một infographic: Tóm tắt những thông tin chính về một tác giả văn học có tác phẩm được học trong sách giáo khoa Ngữ Văn lớp 11. Tham khảo: (Phụ lục 2,3). b. Thiết kế một infographic: Tóm tắt những thông tin chính của một văn bản được học ở Bài 8 - <i>Cấu trúc của văn bản thông tin</i>. Tham khảo: (Phụ lục 4,5).

Phụ lục

Phụ lục 1. Rubric đánh giá sản phẩm thiết kế một Infographic

TIÊU CHÍ	CẦN CÓ GẮNG (0 - 4 điểm)	LÀM TỐT (5 - 7 điểm)	RẤT XUẤT SẮC (8 - 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	1 điểm Trình bày không cẩn thận	2 điểm Trình bày được Kết cấu hơn lí	3 điểm Trình bày đẹp Kết cấu hơn lí.
Nội dung (7 điểm)	1 - 4 điểm	5 - 6 điểm	7 điểm
	Thông tin còn sơ sài	Thông tin đầy đủ	Thông tin đầy đủ, toàn diện

Phụ lục 2,3. Thiết kế một infographic: Tóm tắt những thông tin chính về tác giả Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu



Phụ lục 4,5. Thiết kế một infographic: Tóm tắt những thông tin chính của văn bản (Trí thông minh nhân tạo hoặc Pa-ra-lim-pích: Một lịch sử chữa lành những vết thương)



HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Các tổ thảo luận hoàn thành bài tập luyện tập, vận dụng (hạn 2 ngày).
- **Chuẩn bị bài:** Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

RÚT KINH NGHIỆM

VIẾT

Tiết: 88,89

VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT SỰ VẬT, HIỆN TƯỢNG TRONG TỰ NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy *viết*:

- HS nhận biết được đặc điểm, yêu cầu của bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để tăng hiệu quả biểu đạt cho bài viết.

- HS biết viết bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên đang được quan tâm trong xã hội ngày nay.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm khi thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập, tạo tâm thế tích cực cho HS và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi “Thử tài đoán ý”.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

GV trình chiếu những từ ngữ, hình ảnh (lưu ý: Sau khi GV đã gọi 4 HS lên bảng và quay mặt xuống đợi các bạn bên dưới diễn giải):



1. Tập tục di cư của loài chim



2. Những cơn mưa mùa xuân



3. Thắng cảnh Vịnh Hạ Long



4. Nhật thực – nguyệt thực



5. Thủy triều

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi “Thử tài đoán ý”. Cách thức: - GV gọi 4 HS xung phong tham gia đoán ý, đứng trên bục giảng và quay mặt xuống lớp - GV trình chiếu những từ ngữ, hình ảnh về sự vật, hiện tượng trong tự nhiên. - Tất cả các HS còn lại lần lượt xung phong tham gia tranh tài diễn giải - 4 HS đoán ý lần lượt dựa vào lời diễn giải để tìm đúng sự vật, hiện tượng đã được gợi ý - HS diễn giải dễ hiểu nhất và HS đoán đúng nhiều nhất sẽ giành được phần quà của GV Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS cả lớp tham gia trò chơi - GV quan sát, hỗ trợ, khích lệ, động viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS qua trò chơi thể hiện các năng lực cá nhân Bước 4: Đánh giá kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài học.	- HS chọn tác phẩm. - HS thể hiện quan điểm cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được kiểu bài, yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên.

b. Nội dung hoạt động:

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận cặp đôi về đặc điểm của kiểu bài và yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên trong tương quan so sánh với yêu cầu khi viết bài thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/80 và thảo luận cặp đôi về các vấn đề: – Theo em, những sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được đề cập trong văn bản thuyết minh có thể là những sự vật, hiện tượng nào? – Những yêu cầu cơ bản của bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên là gì? Có điểm gì giống và khác với bài thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội? – Khi được sử dụng trong bài thuyết minh, các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận có ý nghĩa như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức theo dự kiến.	I. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài 1. Đặc điểm kiểu bài: - Thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên (những vấn đề nổi bật đang đặt ra trong thế giới tự nhiên và mối quan hệ của chúng đối với cuộc sống con người). - Những sự vật, hiện tượng trong tự nhiên rất đa dạng: cảnh quan thiên nhiên ở miền Bắc, hệ thống hang động ở miền Trung, về mạng lưới sông ngòi, kênh rạch ở miền Nam, rừng ở Tây Nguyên, ngọn núi lửa đã tắt, một loài động vật hoang dã có nguy cơ bị tuyệt chủng, hiện tượng sạt lở đất, ô nhiễm môi trường nước... 2. Yêu cầu đối với kiểu bài thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên: - Nêu rõ sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được thuyết minh và cung cấp một số thông tin cơ bản, nổi bật về sự vật, hiện tượng đó. - Làm sáng tỏ sự vật, hiện tượng trong tự nhiên theo trình tự phù hợp với đặc điểm của đối tượng được thuyết minh. - Nêu được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về sự vật, hiện tượng được thuyết minh. - Sử dụng kết hợp trong văn bản thuyết minh một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. 3. Phân biệt dạng bài văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên với dạng bài thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội: - Khác: đối tượng thuyết minh

	- Giống: đều phải đảm bảo 4 yêu cầu 4. Ý nghĩa của việc sử dụng các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận trong bài thuyết minh: Trong bài thuyết minh các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận có ý nghĩa quan trọng, giúp cung cấp các thông tin xác thực, hấp dẫn, tác động tích cực đến nhận thức và cảm xúc của người đọc.
--	--

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc quan sát, đọc và phân tích VB mẫu.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr. 81,82,83 SGK.
- HS thảo luận nhóm bàn sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS		Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc VB mẫu (Tr. 81, 82, 83), chú ý những thông tin trong các thẻ chỉ dẫn. - HS thảo luận theo nhóm bàn để hoàn thành phiếu học tập: PHIẾU PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO		II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo 1. Đọc bài viết tham khảo 2. Phân tích bài viết tham khảo: Những dãy đảo xa nằm nghe biển hát (Trích) – Trương Quý * Sự vật, hiện tượng được đề cập trong bài: Sự phong phú, đặc điểm và giá trị của những hòn đảo của Việt Nam trải dài từ Bắc vào Nam, đó là những cảnh quan hấp dẫn, giàu tiềm năng, thu hút nhiều du khách. * Hệ thống ý và trình tự của bài viết: - Giới thiệu thông tin khái quát về biển đảo của Việt Nam - Nêu đặc điểm những hòn đảo ở vùng biển phía Bắc - Khái quát đặc điểm vùng đảo miền Trung - Nhận diện nét riêng của các đảo vùng duyên hải Nam Bộ - Khẳng định giá trị của biển đảo Việt Nam. * Tác dụng của những yếu tố miêu tả và biểu cảm, tự sự được sử dụng trong bài: - Yếu tố biểu cảm thể hiện ở tên các tiêu mục ("Chỗ nước trời lẫn sắc miền Bắc" "Đầu sóng ngọn gió miền Trung", "Những đảo ngọc miền Nam"), ở sự liên tưởng tới câu thơ của Chế Lan Viên, ở
Câu hỏi thảo luận	Kết quả thảo luận	
Văn bản đã đề cập đến sự vật, hiện tượng gì?	...	
Xác định hệ thống ý của văn bản. Tác giả đã cung cấp thông tin theo trình tự như thế nào?	...	
Tác giả đã lồng ghép yếu tố nào trong số các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận để chuyển tải các thông tin đến người đọc? Nêu tác dụng của yếu tố đó trong văn bản.	...	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tham khảo. - HS thảo luận theo bàn trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 2-3 nhóm HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. - HS có thể học tập kỹ năng diễn đạt và trình bày ở bài viết tham khảo để viết kiểu bài thuyết minh tương tự.	những từ ngữ thể hiện tình cảm, thái độ của du khách khi đến những vùng đảo,... - Yếu tố miêu tả thể hiện ở những đoạn giới thiệu về vị trí địa lí của những hòn đảo trải dài từ Bắc vào Nam. - Yếu tố tự sự được sử dụng khi giới thiệu về sự xuất hiện của cư dân đảo. => Việc lồng ghép yếu tố miêu tả, tự sự và biểu cảm giúp cho những thông tin được chuyển tải đến người đọc một cách sinh động, hấp dẫn, thể hiện tình yêu và niềm tự hào của tác giả về biển đảo Việt Nam.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

a. Mục tiêu:

- HS biết thực hành viết văn thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong tự nhiên theo các bước được hướng dẫn.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Chuẩn bị viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Có thể tìm hiểu phần chuẩn bị viết ở SGK: Lựa chọn đề tài thuyết minh về những sự vật, hiện tượng trong tự nhiên. + Có thể lựa chọn sự vật, hiện tượng trong tự nhiên gần gũi ở địa phương mình đang sống có mối quan hệ và ảnh hưởng tới cuộc sống con người. + HS tập hợp được các thông tin về đề tài đã lựa chọn theo các cách sau: + Từ thực tiễn tìm hiểu và tổng hợp từ sự quan sát đời sống. + Thu thập qua sách báo, các phương tiện truyền thông. + Chú ý các thông tin cụ thể về đặc điểm, diễn biến, ảnh hưởng, tác động,... + Lồng ghép một cách phù hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm, nghị luận khi trình bày bài viết.	III. Thực hành viết theo các bước 1. Chuẩn bị viết Một số đề tài gợi ý: - Thuyết minh về cảnh quan thiên nhiên ở miền núi phía Bắc; - Thuyết minh về hệ thống hang động ở miền Trung (Phong Nha, Kẻ Bàng, Động Thiên Đường...); - Thuyết minh về mạng lưới sông ngòi, kênh rạch ở miền Nam; - Thuyết minh về rừng ở Tây Nguyên; - Thuyết minh về một ngọn núi lửa đã tắt; - Thuyết minh về một loài động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng,... - Cần tập hợp được các thông tin

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS tự nghiên cứu cá nhân lựa đề tài thuyết minh. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS chia sẻ câu trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phần trình bày của HS * Tìm ý, lập dàn ý NV: Tìm ý: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm ý, lập dàn ý theo PHT số 1 – Tìm ý (Phụ lục 1) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có cùng lựa chọn đề tài thuyết minh và hoàn thành các yêu cầu của phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện một số nhóm HS chia sẻ kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS. NV: Lập dàn ý: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS dựa trên các ý vừa tìm được, HS lập dàn ý theo đúng bố cục một bài thuyết minh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm có cùng lựa chọn đề tài thuyết minh. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện HS trình bày dàn ý đã lập trước lớp, HS khác theo dõi, góp ý, bổ sung theo Bảng kiểm đánh giá lập dàn ý (Phụ lục 2). Bước 4: Đánh giá, kết luận, trả bài Giáo viên nhận xét, đánh giá, tổng hợp dựa theo Bảng kiểm đánh giá lập dàn ý (Phụ lục 2). * Viết và chỉnh sửa, hoàn thiện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS viết bài theo dàn ý, sau đó chỉnh sửa, hoàn thiện. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Cá nhân HS viết bài. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	về đề tài đã lựa chọn. 2. Tìm ý, lập dàn ý a. Tìm ý - Sự vật, hiện tượng được đề cập đến - Trình tự thuyết minh (không gian; thời gian; nguyên nhân – hệ quả – giải pháp;...) - Ý nghĩa của việc nhận thức đầy đủ về sự vật, hiện tượng được thuyết minh - Những yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận phù hợp để triển khai các ý b. Lập dàn ý - Mở bài: + Giới thiệu sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được thuyết minh. + Nêu thông tin khái quát về sự vật, hiện tượng đó. - Thân bài: + Chọn lọc, sắp xếp và triển khai các ý đã tìm được theo một trình tự hợp lí, tùy thuộc vào định hướng cung cấp thông tin của người viết. + Xác định yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận để tăng hiệu quả biểu đạt và sức hấp dẫn của bài viết (việc lồng ghép yếu tố này cần đảm bảo tính khách quan của thông tin được đề cập trong bài viết; cần dự kiến cả những phương tiện phi ngôn ngữ có thể sử dụng trong văn bản). - Kết bài: Khái quát ý nghĩa của sự vật, hiện tượng được đề cập; gợi mở những ý tưởng có thể tiếp nối,... 3. Viết và chỉnh sửa, hoàn thiện (45 - 60 phút) HS thực hành viết theo đề tài lựa
---	---

2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung theo Phiếu đề xuất chỉnh sửa bài viết (Phụ lục 3). Bước 4: Đánh giá, kết luận, trả bài * GV yêu cầu HS nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài. * Nhận xét về kết quả viết và yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết theo Phiếu đề xuất chỉnh sửa bài viết (Phụ lục 3). * GV nhận xét theo Rubric đánh bài viết (Phụ lục 4)	chọn và dàn ý đã tạo lập.
---	----------------------------------

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng bài học để giải quyết những vấn đề thực tế của đời sống

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ GV giao theo năng lực cá nhân

c. Sản phẩm: Những sản phẩm sưu tầm hoặc sáng tạo của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ 1: HS thu thập thông tin (sưu tầm tranh ảnh, clip, bài viết,...) về các sự vật, hiện tượng tự nhiên mà mình quan tâm ở địa phương. Từ đó, viết bài thuyết minh về một danh thắng ở địa phương. Nhiệm vụ 2: Thực hiện dự án: Em làm hướng dẫn viên (HS tham gia thuyết trình một số danh thắng tại địa phương cho du khách tham quan bằng video sản phẩm) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện ở nhà (hạn tối đa 2 tuần) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ sản phẩm tìm được/ tự làm gửi lên nhóm lớp - Các HS nhận xét, góp ý cho nhau hoàn chỉnh sản phẩm Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá theo năng lực của từng HS; khích lệ HS tự tin vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tế để thành công,...	- Tranh ảnh, clip, bài viết,... về các sự vật, hiện tượng tự nhiên do HS sưu tầm và viết bài. - Dự án: Em làm hướng dẫn viên - Dàn ý tham khảo: Thuyết minh về vịnh Hạ Long (Phụ lục 5)

Phụ lục:

Phụ lục 1. PHT số 1 – Tìm ý

STT	Các ý cần tìm	Kết quả
1	Sự vật, hiện tượng được đề cập đến	
2	Trình tự thuyết minh (không gian; thời gian; nguyên nhân – hệ quả – giải pháp;...)	
3	Ý nghĩa của việc nhận thức đầy đủ về sự vật, hiện tượng	

	được thuyết minh	
4	Những yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận phù hợp để triển khai các ý	

Phụ lục 2. PHT số 2 – Bảng kiểm đánh giá lập dàn ý

STT	Tiêu chí đánh giá	Kết quả	
		Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Giới thiệu được hiện tượng tự nhiên cần thuyết minh với những thông tin khái quát		
2	Thuyết minh được những đặc điểm của hiện tượng tự nhiên (vị trí địa lí, tên gọi, đặc điểm riêng biệt, giá trị, tiềm năng...)		
3	Việc sử dụng và khai thác hiện tượng tự nhiên của con người trong thời đại hiện nay		
4	Trách nhiệm (việc làm cần thiết) của mọi người trong việc giữ gìn, bảo tồn giá trị to lớn của hiện tượng tự nhiên		
5	Các yếu tố biểu cảm, miêu tả, nghị luận được sử dụng trong bài viết		
6	Khái quát được ý nghĩa của vấn đề và nêu suy nghĩ của người viết		

Phụ lục 3. Phiếu đề xuất chỉnh sửa bài viết

STT	Các yêu cầu đã thực hiện trong bài viết	Phần bài viết chưa đạt	Đề xuất sửa
1	Giới thiệu sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được thuyết minh.		
2	Nêu thông tin khái quát về sự vật, hiện tượng		
3	Chọn lọc, sắp xếp và triển khai các ý đã tìm được theo một trình tự hợp lí		
4	Yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận để tăng hiệu quả biểu đạt và sức hấp dẫn của bài viết		
5	Khái quát ý nghĩa của sự vật, hiện tượng được đề cập; gợi mở những ý tưởng có thể tiếp nối,...		
6	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản		

Phụ lục 4. Rubric đánh bài viết

TIÊU CHÍ	TRUNG BÌNH (0 – 4 điểm)	KHÁ (5 – 7 điểm)	TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức	0 – 1 điểm	2 - 3 điểm	4 điểm

(4 điểm)	Bài làm còn sơ sài, không theo bố cục 3 phần, Trình bày câu thả. Sai lỗi chính tả (từ, sử dụng dấu câu và ngắt dòng không đúng quy định) Diễn đạt lủng củng, khó hiểu, thiếu liên kết Không có sự kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận hoặc sa đà vào việc sử dụng các yếu tố hỗ trợ đó Không có sự kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ trong việc cung cấp thông tin	Bài làm tương đối đầy đủ, đảm bảo bố cục 3 phần Trình bày tương đối cẩn thận Có 1 -2 lỗi chính tả Diễn đạt tương đối mạch lạc, sáng rõ, từ ngữ liên kết phù hợp Kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận tương đối phù hợp Kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ tương đối phù hợp với nội dung thông tin	Bài làm đảm bảo các yêu cầu: đầy đủ 3 phần Trình bày cẩn thận Không có lỗi chính tả Diễn đạt mạch lạc, sáng rõ, từ ngữ liên kết phù hợp Kết hợp yếu tố tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận một cách phù hợp Kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp với nội dung thông tin
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Nội dung sơ sài, chưa tập trung cung cấp thông tin cho người đọc một cách khách quan.	4 – 5 điểm Nội dung tương đối đầy đủ, bám sát vào dàn ý. Các luận điểm triển khai đã có ý thức tập trung cung cấp thông tin cho người đọc một cách khách quan.	6 điểm Nội dung đầy đủ theo hệ thống ý đã tạo lập. Các luận điểm đã tập trung cung cấp thông tin cho người đọc một cách khách quan, sáng rõ.
Điểm			
TỔNG			

Phụ lục 5. Dàn ý tham khảo: Thuyết minh về vịnh Hạ Long

I. Mở bài:

- Giới thiệu sự vật, hiện tượng trong tự nhiên được thuyết minh: Vịnh Hạ Long – Quảng Ninh
- Nêu thông tin khái quát về sự vật, hiện tượng: Vịnh Hạ Long - kỳ quan thiên nhiên thế giới của nước ta có cảnh đẹp mê hồn, thu hút du khách từ khắp nơi trên thế giới

II. Thân bài:

1. Vị trí địa lý:

- Vịnh Hạ Long tọa lạc tại phần bắc của Vịnh Bắc Bộ, thuộc thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Nơi đây nằm giữa vùng biển phía Bắc nước ta, gần liền với Vịnh Bắc Bộ và biển Đông.

- Du khách có thể tiếp cận Vịnh Hạ Long thông qua đường bộ, bằng xe du lịch hoặc xe máy

2. Lịch sử hình thành:

- Vịnh Hạ Long không chỉ đẹp về thiên nhiên mà còn có một lịch sử đa dạng và phong phú. Vùng này hình thành từ quá trình kiến tạo địa chất kéo dài hàng triệu năm, tạo nên kiệt tác thiên nhiên với các hòn đảo, hang động, và cảnh quan độc đáo.
- Ngoài ra, Vịnh Hạ Long gắn liền với câu chuyện huyền thoại về Rồng và Tiên, khi con Rồng hạ cánh xuống đây để giúp dân làng đánh đuổi giặc ngoại xâm, để lại dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn của người Việt.

3. Cảnh quan danh lam thắng cảnh:

- Vịnh Hạ Long nổi tiếng với khoảng 2000 hòn đảo lớn nhỏ, đa dạng về hình dáng và kích thước, chủ yếu là các đảo đá vôi và đảo phiến thạch.
- Nơi đây có nhiều hang động hoang sơ, kỳ vĩ như Hang Trống, Hang Trinh Nữ
- Ngọa cảnh trên du thuyền là một trải nghiệm không thể thiếu khi đến Hạ Long, giúp du khách khám phá những ngọn núi, những bãi biển và những hang động
- Vịnh Hạ Long cũng có nhiều bãi tắm đẹp như Bãi Cháy, Bãi Tử Long và Cô Tô,...
- Vịnh Hạ Long đa dạng về hệ sinh thái: Có rừng ngập mặn, rừng san hô, rừng cây nhiệt đới và nhiều loài động thực vật quý hiếm.
- Vịnh Hạ Long cũng nổi tiếng với hải sản tươi ngon và đa dạng
- Vào năm 1994, Vịnh Hạ Long đã được UNESCO công nhận là Di sản thế giới

4. Ý nghĩa danh lam thắng cảnh:

- Vịnh Hạ Long không chỉ là một danh lam thắng cảnh nổi tiếng mà còn gắn liền với lịch sử và truyền thống dân tộc, như sông Bạch Đằng và núi Bài Thơ, là nơi diễn ra các trận đánh quyết định trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của Việt Nam.
- Đây cũng là một biểu tượng của niềm tự hào của người Việt về di sản thiên nhiên quý giá mà quê hương đã ban tặng.

III. Kết bài:

- Khái quát ý nghĩa của Vịnh Hạ Long: Vịnh Hạ Long, với vẻ đẹp kỳ diệu và lịch sử hùng vĩ, đã trở thành một trong những điểm đến hàng đầu của du lịch Việt Nam và thế giới
- Gợi mở những ý tưởng có thể tiếp nối: Vịnh Hạ Long còn ẩn chứa nhiều điều kì diệu mà chúng ta chưa thể khám phá hết

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thành bài tập vận dụng.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Tranh biện về một vấn đề trong đời sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

TRANH BIỆN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy *Nói và Nghe*

Nói

- HS hiểu được sự cần thiết của việc tranh biện một vấn đề trong đời sống

- Học sinh biết lựa chọn một vấn đề trong đời sống phù hợp, biết trình bày vấn đề này dưới hình thức tranh biện

Nghe

- Nghe và nắm bắt được nội dung tranh biện, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức tranh biện

Nói nghe tương tác

- Học sinh biết đưa ra các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để khẳng định quan điểm của mình và phản bác lại quan điểm của phía đối lập trong khi tranh biện

- Học sinh biết lắng nghe, tôn trọng, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề trong đời sống xã hội mà mình thuyết trình hoặc nghe học sinh khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng

2. Phẩm chất:

- Tự tin thể hiện bản thân, chủ động, tích cực, có văn hóa phản biện

- Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, điện thoại có kết nối mạng,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS xem video tranh biện và trả lời câu hỏi, thử tài tranh biện.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và tài tranh biện của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem 1 đoạn video tranh biện (khoảng 2-3 phút cho dừng) https://youtu.be/hgL_U6KiOgM?si=vcveHAENxGO5JPYo - GV đặt câu hỏi: + Vấn đề tranh biện là gì? + Những lí lẽ của người tranh biện có thuyết phục được em không? + Em đứng về quan điểm của ai trong 2 người trên? + Em hãy thử tranh biện bằng quan điểm và lí lẽ của mình (GV chọn 2 đại diện xung phong thực hiện cuộc tranh biện khoảng 2 phút về vấn đề trên bằng những lí lẽ của cá nhân). Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. 2 HS xung phong tranh biện HS khác lắng nghe, cổ vũ, nhận xét, góp ý. Bước 4. Đánh giá, kết luận Giáo viên đánh giá, biểu dương HS, dẫn vào bài mới.	- Vấn đề tranh biện: Có chứng chỉ công việc làm thêm để có thể tốt nghiệp? - HS tự do bày tỏ quan điểm của bản thân - 2 HS thử tài tranh biện ngắn bằng quan điểm và lí lẽ riêng của bản thân

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 2.1: Yêu cầu của bài tranh biện về một vấn đề trong đời sống

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu chung của bài tranh biện về một vấn đề trong đời sống

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, thảo luận cặp/nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập số 1

STT	Yêu cầu	Phù hợp/chưa phù hợp
1	Nêu được rõ ràng quan điểm (tán thành hay phản đối) về vấn đề tranh biện	
2	Đưa ra được các lí lẽ để phản bác lại quan điểm của phía đối lập	
3	Đưa ra được các bằng chứng xác đáng để chứng minh cho lí lẽ của mình	
4	Thể hiện được sự tương tác tích cực với đối phương	
5	Biết lắng nghe và tôn trọng người tranh biện với mình	
6	Sử dụng giọng nói để tranh biện	

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS trao đổi theo nhóm đôi để đánh dấu X vào yêu cầu chính xác, phù hợp; đánh dấu O vào yêu cầu chưa thực sự phù hợp, hoặc chưa đúng hoàn toàn vào Phiếu học tập số 1 (bên trên) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc sgk tìm hiểu yêu cầu của dạng bài, thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 2 nhóm HS chia sẻ 1 phút kết quả. - Các HS còn lại đối chiếu với sản phẩm nhóm mình, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4. Đánh giá, kết luận GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu (Phụ lục 1). Phiếu học tập số 1	1. Tìm hiểu các yêu cầu của bài tranh biện về một vấn đề trong đời sống - Nêu được rõ ràng quan điểm (tán thành hay phản đối) về vấn đề tranh biện - Đưa ra được các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để khẳng định quan điểm của mình và phản bác lại quan điểm của phía đối lập - Thể hiện được sự tương tác tích cực trong nhóm để phát triển ý tưởng và luận điểm; biết lắng nghe và tôn trọng người tranh biện với mình - Sử dụng giọng nói, ngữ điệu và ngôn ngữ cơ thể phù hợp.

Hoạt động 2.2: Chuẩn bị tranh biện về một vấn đề trong đời sống

a. Mục tiêu: HS chuẩn bị mọi điều kiện tranh biện về một vấn đề trong đời sống (chọn đề tài, lập đội nhóm, nghiên cứu vấn đề, chuẩn bị ý kiến, tìm hiểu quy tắc)

b. Nội dung: HS hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm.

c. Sản phẩm: Các bước chuẩn bị của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
a. Lựa chọn đề tài Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu đề tài tranh biện: Tình yêu học đường – nên hay không nên? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS (hoặc nhóm HS) điền lựa chọn vào trang tính (nên hoặc không nên) Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV trình chiếu lựa chọn của HS trong lớp Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV lưu ý vấn đề tranh biện: + Vấn đề tranh biện là những vấn đề mang tính thời sự, thiết thực với đời sống và có những quan điểm tiếp cận trái chiều + Vấn đề tranh biện thường được phát	2. Chuẩn bị tranh biện a. Lựa chọn đề tài Một số đề tài gợi ý (Sgk): - Trí thông minh nhân tạo có thể quyết định tương lai của thế giới - Du học sẽ mang lại cho học sinh cơ hội tiếp cận nền giáo dục tốt hơn - Mạng xã hội là kênh giao tiếp tự do cho tất cả mọi người Đề tài do GV ấn định: Tình yêu học đường – nên hay không nên? b. Lập đội tham gia tranh biện - Gồm 2 đội, mỗi đội gồm 2 – 3 thành viên. Một đội tán thành, 1 đội phản đối - Ngoài ra cần người điều hành và khán giả theo dõi

biểu dưới hình thức một ý kiến, một nhận định, những người tham gia sẽ thể hiện quan điểm tán thành hay phản đối. b. Lập đội tham gia tranh biện Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS: - Chọn nên xếp vào 1 đội; HS chọn không nên xếp vào đội còn lại - Mỗi đội lựa chọn 3 thành viên chuẩn bị tham gia tranh biện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện chia đội theo hướng dẫn của GV Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS báo cáo thành viên đại diện tham gia tranh biện Bước 4. Đánh giá, kết luận GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HS c. Nghiên cứu vấn đề lựa chọn và chuẩn bị ý kiến tranh biện Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các đội: - Tìm hiểu kĩ vấn đề để nhận ra nguyên nhân xuất hiện những quan điểm đối lập - Dự kiến những lí lẽ có thể bị phản bác, suy đoán những lí lẽ mà phía đối lập có thể sử dụng để bảo vệ quan điểm của họ - Hình dung được rõ ràng nhiệm vụ của các đội trong tranh biện: trình bày thuyết phục các lí lẽ và bằng chứng của đội mình và trả lời những câu hỏi chất vấn; phản biện một cách sắc bén các lí lẽ, bằng chứng của phía đối lập, chú ý chất vấn xoay quanh những điểm cốt lõi Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện trao đổi, thảo luận theo nhóm đã chia, sản phẩm được trình bày trên giấy A4 Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV tổ chức cuộc trao đổi các bên về vấn	c. Nghiên cứu vấn đề lựa chọn và chuẩn bị ý kiến tranh biện Vấn đề tranh biện: Tình yêu học đường – nên hay không nên? * Ý kiến tán thành: Các lí lẽ đưa ra thể hiện điểm tích cực trong tình yêu tuổi học trò - Tiến bộ hơn trong học tập: tình yêu thời học sinh sẽ có tác dụng rất lớn giúp bạn và người ấy luôn trong trạng thái cùng cố gắng, cùng tiến bộ. - Luôn duy trì cảm giác hạnh phúc, lâng lâng: giúp bạn và người ấy luôn yêu đời, không dễ để tình yêu làm sao nhãng đến việc học. - Có thể giúp đỡ nhau trong cuộc sống: giúp đỡ nhau học hành, giúp cả những vấn đề nhỏ trong cuộc sống hàng ngày;, mọi sự quan tâm của đối phương đều giúp người còn lại cảm thấy hạnh phúc và tự tin hơn trong cuộc sống. *Ý kiến phản đối: Các lí lẽ đưa ra thể hiện những tiêu cực trong tình yêu tuổi học trò - Sao nhãng việc học hành: mọi thời gian bạn đã dành cho người kia, luôn suy nghĩ, nhớ nhung, nhắn tin, chat mạng rồi trao nhau những stt nhớ nhung... thì còn lấy đâu thời gian dành cho việc học. - Thiếu kinh nghiệm cuộc sống khiến người chịu thiệt thòi chính là bản thân các bạn. Tình yêu ở tuổi học trò, chỉ dùng cảm xúc, không dùng lí trí, khi yêu chẳng nghĩ ngợi, chẳng cân nhắc là đúng hay sai. Chính sự thiếu kinh nghiệm này đã dẫn đến nhiều trường hợp tình yêu không được bền lâu, dễ dàng chia tay sau một thời gian ngắn. - Để lại hậu quả về tình dục: Tuổi học trò là giai đoạn cơ thể bắt đầu thay đổi ở cả nam và nữ. Lúc này sự tò mò, muốn biết nhiều về chuyện ấy là nguyên do dẫn đến những hậu quả khó lường, mà người cuối cùng phải chịu tổn thương chính là các bạn nữ. Vì vậy nếu không tỉnh táo khi yêu ở tuổi học trò rất dễ khiến xảy ra những câu chuyện đáng buồn.
--	--

đề Bước 4. Đánh giá, kết luận GV sử dụng Rubrics (Phụ lục 2) đánh giá và góp ý riêng cho từng nhóm để hoàn thiện nội dung của nhóm. d. Tìm hiểu quy tắc tranh biện Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS tuân thủ một số quy tắc tranh biện Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS nghiên cứu các quy tắc tranh biện (SGK) Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện HS chia sẻ các quy tắc tranh biện Bước 4. Đánh giá, kết luận GV đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HS, lưu ý quy tắc tranh biện cần thực hiện khi tranh biện về một vấn đề trong đời sống.	- Nồng nôi, bông bột, dễ làm chuyện mà không suy nghĩ: Sự nồng nôi của tuổi mới lớn, sự tò mò về mọi thứ xung quanh, cộng với sự thiếu tâm lý của các bậc phụ huynh đã dẫn đến nhiều câu chuyện thương tâm ở các em học sinh. Yêu nhau thề nguyên sống chết, song bố mẹ không đồng ý, cấm đoán, dẫn đến nhiều cặp đôi rủ nhau tự tử hoặc bỏ đi. Có thể nói tình yêu tuổi học trò có quá nhiều hệ lụy nếu không cân nhắc kỹ và có đủ thông minh khi yêu. d. Tìm hiểu quy tắc tranh biện - Việc tranh biện phải được thực hiện trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. - Một số quy tắc tranh biện: + Bám sát vấn đề tranh biện; + Thực hiện yêu cầu của người điều hành; + Đảm bảo thời gian quy định cho mỗi lượt phát biểu; + Không ngắt lời phía đối lập; không chỉ trích cá nhân, không sử dụng ngôn ngữ thiếu chuẩn mực, không ngụy tạo bằng chứng,...
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP THỰC HÀNH TRANH BIỆN VÀ ĐÁNH GIÁ, RÚT KINH NGHIỆM

- a. Mục tiêu:** HS thực hành tranh biện theo tiến trình được hướng dẫn trong SGK
- b. Nội dung:** GV tổ chức HS tham gia chương trình “**Tranh biện học đường với chủ đề: Tình yêu học đường - nên hay không nên?**”.
- c. Sản phẩm:** Quan điểm, lí lẽ tranh biện của HS và Rubrics đánh giá phần nói (thuyết trình tranh biện) của đại diện các nhóm.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm								
* Thực hành tranh biện: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS tham gia chương trình “Tranh biện học đường với chủ đề: Tình yêu học đường – nên hay không nên?” - HS chọn nên: Đội <i>Tiếng nói con tim</i> - HS chọn không nên: Đội <i>Trái tim trên đầu</i> Mỗi đội lựa chọn 3 thành viên	3. Thực hành tranh biện - Bước 1: Người điều hành nêu vấn đề, giới thiệu thành phần tham gia, nêu rõ mục đích, quy tắc tranh biện. - Bước 2: Tiến trình tranh biện: <table><tr><th>Phiên tranh biện</th><th>Phía tán thành</th><th>Phía phản đối</th></tr><tr><td>Phiên thứ nhất</td><td>Bám sát vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định</td><td>Nhắc lại vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định sự không đồng</td></tr></table>			Phiên tranh biện	Phía tán thành	Phía phản đối	Phiên thứ nhất	Bám sát vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định	Nhắc lại vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định sự không đồng
Phiên tranh biện	Phía tán thành	Phía phản đối							
Phiên thứ nhất	Bám sát vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định	Nhắc lại vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định sự không đồng							

tham gia tranh biện - GV lựa chọn MC – người điều hành phù hợp - GV lưu ý HS: + Chú ý sử dụng giọng điệu, tư thế, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp. + Mỗi đội có 5 phút trình bày quan điểm. + Sau đó đội còn lại bổ sung nếu đồng tình và đặt câu hỏi tranh biện nếu phản đối (đặt câu hỏi cho đối phương và giải đáp câu hỏi của đối phương để bảo vệ quan điểm) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ- - Người điều hành nêu vấn đề, giới thiệu thành phần tham gia, nêu rõ mục đích, quy tắc tranh biện - Các đội tham gia tranh biện theo tiến trình 3 phiên (SGK) Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Các đội tham gia tranh biện theo tiến trình 3 phiên Bước 4. Đánh giá, kết luận MC – Người điều hành tóm tắt các luận điểm chính về vấn đề tranh biện của phía tán thành và phía phản đối; có thể tổ chức lấy ý kiến đánh giá, bình chọn của khán giả về các nhóm tranh biện; nêu ý nghĩa của cuộc tranh biện; cảm ơn các nhóm tham gia tranh biện và khán giả theo dõi, bình chọn. * Đánh giá, rút kinh nghiệm Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS dựa vào các nội dung chính được gợi ý ở Rubrics đánh giá phần nói (thuyết trình tranh biện) của đại diện các nhóm – Phụ lục 3 để trao đổi, đánh giá về chất lượng của cuộc tranh biện và rút ra những kinh nghiệm cần thiết		
		quan điểm đồng tình, giải thích những khái niệm cơ bản, trình bày các luận điểm chính, dùng lí lẽ và bằng chứng để củng cố quan điểm ủng hộ. Có thể có lượt hỏi – đáp từ hai phía để chất vấn và phản đối các ý kiến.
	Phiên thứ 2	Phản bác lại từng luận điểm của phía phản đối, phân tích sâu hơn quan điểm của đội mình, bổ sung lí lẽ và bằng chứng để tăng sức thuyết phục. Bác bỏ lại từng luận điểm mà phía tán thành vừa nêu ra; khẳng định lại quan điểm phản đối của đội mình, củng cố quan điểm đó bằng lí lẽ sắc bén và bằng chứng thuyết phục. Có thể có lượt hỏi – đáp từ hai phía để chất vấn và phản đối các ý kiến
	Phiên thứ 3	Tiếp tục phản bác ý kiến của phía phản đối; khẳng định tính đúng đắn của những luận điểm quan trọng đã bị bác bỏ; kết luận về vấn đề và khẳng định lại Tiếp tục phản bác lại ý kiến của phía tán thành; bảo vệ những luận điểm quan trọng đã bị bác bỏ; kết luận về vấn đề và khẳng định lại quan điểm của đội mình.

(GV in phiếu cho HS).		
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	quan điểm của	
Tất cả HS trong lớp đều thực hiện nhiệm vụ đánh giá.	đội mình.	
Bước 3. Báo cáo, thảo luận	Bước 3: Người điều hành tóm tắt các luận điểm chính về vấn đề tranh biện của phía tán thành và phía phản đối; có thể tổ chức lấy ý kiến đánh giá, bình chọn của khán giả về các nhóm tranh biện; nêu ý nghĩa của cuộc tranh biện; cảm ơn các nhóm tham gia tranh biện và khán giả theo dõi, bình chọn.	
GV yêu cầu một số học sinh trình bày nhanh kết quả đánh giá và rút ra những kinh nghiệm cần thiết sau thực hành tranh biện.	4. Đánh giá, rút kinh nghiệm	
Bước 4. Đánh giá, kết luận	Phụ lục 3. Rubrics đánh giá phần nói (thuyết trình tranh biện) của đại diện các nhóm	
GV nhận xét, đánh giá về hoạt động thực hành và đánh giá, rút kinh nghiệm tranh biện theo Rubrics đánh giá phần nói (thuyết trình tranh biện) của đại diện các nhóm		
– Phụ lục 3.		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.
- b. Nội dung:** HS làm việc nhóm theo quan điểm, chuẩn bị tranh biện về một vấn đề GV đặt ra.
- c. Sản phẩm:** Các lí lẽ chuẩn bị tranh biện của các nhóm của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu vấn đề: *Trí thông minh nhân tạo liệu có phải là một mối đe dọa đối với con người?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS lập nhóm thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Trong nội dung cùng cố, mở rộng

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được, lưu ý những yêu cầu, quy tắc tiến trình khi tranh biện về một vấn đề trong đời sống đối với HS.

Phụ lục

Phụ lục 1. Phiếu học tập số 1

STT	Yêu cầu	Phù hợp/chưa phù hợp
1	Nêu được rõ ràng quan điểm (tán thành hay phản đối) về vấn đề tranh biện	X
2	Đưa ra được các lí lẽ để phản bác lại quan điểm của phía đối lập	O
3	Đưa ra được các bằng chứng xác đáng để chứng minh cho lí lẽ của mình	O

4	Thể hiện được sự tương tác tích cực với đối phương	O
5	Biết lắng nghe và tôn trọng người tranh biện với mình	X
6	Sử dụng giọng nói để tranh biện	O

Phụ lục 2. Rubrics đánh giá hoạt động nhóm

Cấp độ Tiêu chí	Tốt (4 điểm)	Khá (3 điểm)	Trung bình (2 điểm)	Cần điều chỉnh (1 điểm)
1. Sự tham gia	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong tất cả khoảng thời gian cho phép	Tham gia đầy đủ và chăm chỉ làm việc trong hầu hết khoảng thời gian cho phép	Tham gia nhưng thường lãng phí thời gian và ít khi làm việc	Tham gia nhưng thực hiện những việc không liên quan đến nhiệm vụ được giao
2. Trao đổi và tranh luận trong nhóm	Chú ý trao đổi, lắng nghe cẩn thận các ý kiến của những người khác, đưa ra các ý kiến cá nhân	Thường lắng nghe cẩn thận các ý kiến của người khác. Đôi khi đưa ra ý kiến riêng của bản thân	Đôi khi không lắng nghe các ý kiến của người khác. Thường không có các ý kiến riêng trong các hoạt động của nhóm	Không lắng nghe ý kiến của người khác, không đưa ra ý kiến riêng
3. Sự hợp tác	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung	Thường tôn trọng ý kiến của những thành viên khác và hợp tác đưa ra ý kiến chung	Tôn trọng ý kiến của những thành viên khác nhưng hợp tác đưa ra ý kiến chung	Không tôn trọng ý kiến của những thành viên khác, không hợp tác đưa ra ý kiến chung
4. Sự sắp xếp thời gian	Hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm	Thường hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, không làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, làm đình trệ tiến triển công việc của nhóm	Không hoàn thành công việc được giao đúng thời gian, thường xuyên buộc nhóm phải điều chỉnh hoặc thay đổi

Phụ lục 3. Rubrics đánh giá phần nói (thuyết trình tranh biện) của đại diện các nhóm

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt

1	Khẳng định rõ ràng quan điểm tán thành hay phản đối.		
2	Trình bày được các luận điểm chính; nêu được lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ quan điểm của mình.		
3	Có khả năng phối hợp nhóm để duy trì tiến trình tranh biện và phát triển ý tưởng.		
4	Có khả năng xử lí tình huống, ứng phó với các ý kiến phản biện của phía đối lập.		
5	Lắng nghe người khác với thái độ tôn trọng.		
6	Sử dụng ngôn ngữ chính xác, rõ ràng; thay đổi ngữ điệu, sử dụng ngôn ngữ cơ thể một cách linh hoạt, phù hợp.		
7	Tuân thủ thời gian quy định đối với từng lượt phát biểu.		

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (Cả bài 8)

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện theo nhóm.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS chia nhóm trao đổi, thảo luận theo những câu hỏi sgk.

Nhóm 1: Câu 1. Tổng hợp thông tin về các văn bản đã học trong bài theo bảng gợi ý sau:

Tên văn bản	Tên tác giả	Chủ đề	Các ý chính	Cách trình bày dữ liệu
-------------	-------------	--------	-------------	------------------------

Nhóm 2: Câu 2. Tìm đọc thêm một số văn bản thông tin về một trong các chủ đề văn hóa, thể thao, môi trường, khoa học. Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để tóm tắt những thông tin mà bạn đã đọc.

Nhóm 3: Câu 3. Thuyết minh về một môn thể thao hoặc giới thiệu một vận động viên mà bạn yêu thích.

Nhóm 4: Câu 4. Tranh biện với các bạn trong lớp về một trong những vấn đề sau:

- Khi cô rô-bốt Xô-phi-a (Sophia) lần đầu tiên được Chính phủ Ả Rập Xê Út cấp quyền công dân, người ta đã lo ngại rằng một ngày nào đó rô-bốt sẽ thống trị thế giới. Liệu điều này có thể xảy ra? Trí thông minh nhân tạo liệu có phải là một mối đe dọa đối với con người?
- Thể thao có phải chỉ là nơi phô diễn sức mạnh và biểu dương các chiến công?
- Học hỏi có phải chỉ là năng lực riêng của con người? Liệu loài vật có khả năng nhận thức, tích lũy và truyền tải tri thức hay không?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận theo nhóm (có thể thực hiện ở nhà nếu thời gian không cho phép)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện nhóm HS trình bày sản phẩm trước lớp (nếu còn thời gian hoặc chuyển vào thời gian ôn tập dạy thêm)

- HS khác nhận xét, góp ý

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức, định hướng kỹ năng, phát thưởng hoặc cho điểm tùy vào kết quả chuẩn bị của HS các nhóm.

Gợi ý tham khảo

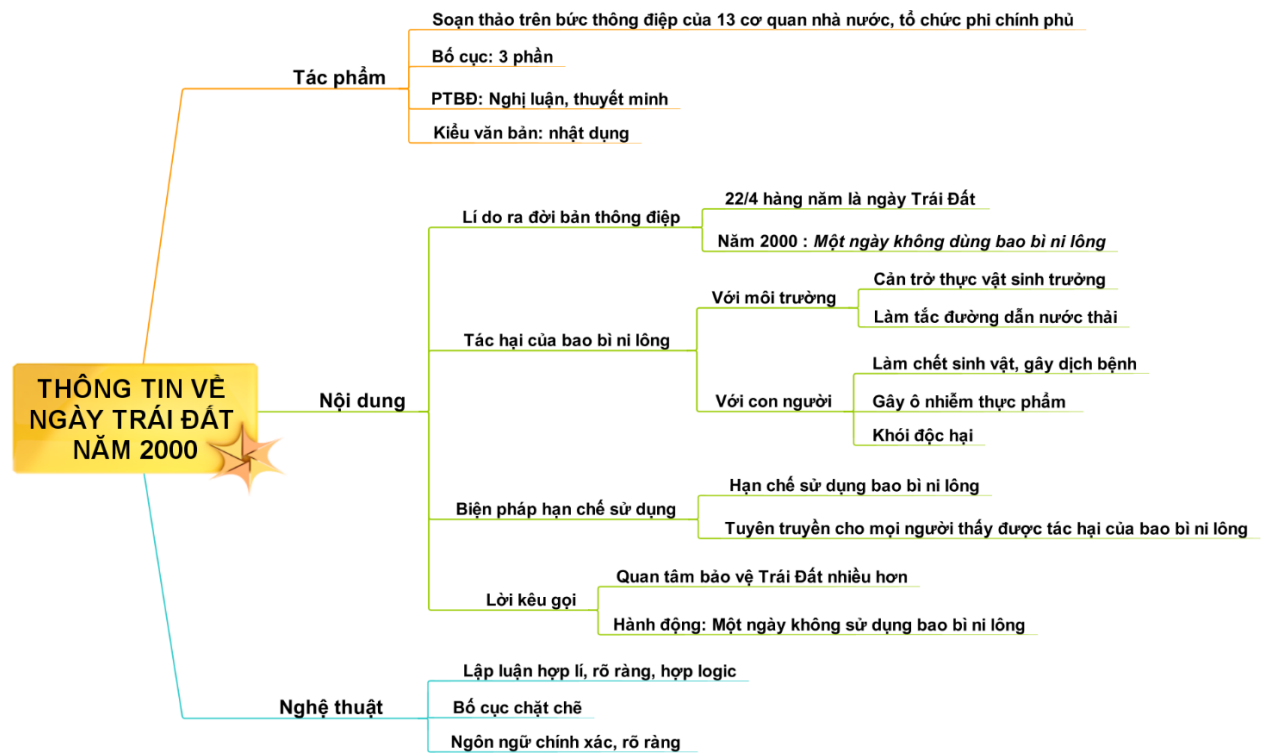
Câu 1. Tổng hợp thông tin về các văn bản đã học trong bài theo bảng

Tên văn bản	Tên tác giả	Chủ đề	Các ý chính	Cách trình bày dữ liệu
Nữ phóng viên đầu tiên	Trần Nhật Vy	Phong trào nữ quyền qua chân dung của một cá nhân, một người phụ nữ.	- Tiểu sử của nhân vật - Các hoạt động xã hội của nhân vật - Đời sống cá nhân của nhân vật	Văn bản được triển khai theo trình tự thời gian.
Trí thông minh nhân tạo	Ri-sát Oát-xon	Dự báo về sự phát triển của trí thông minh nhân tạo trong tương lai.	- Tốc độ phát triển của trí thông minh nhân tạo - Các loại trí thông minh nhân tạo - Các quan điểm trái chiều về trí thông minh nhân tạo - Tác động của trí thông minh nhân tạo đối với đời sống con người - Dự đoán những viễn cảnh có thể xảy ra	Có lập luận rõ ràng, các số liệu cụ thể, kể trực tiếp thời gian về sự phát triển công nghệ AI nhanh chóng.
Pa-ra-lim-pích (Paralympic): Một lịch sử chữa lành những vết thương	Huy Đăng	Lịch sử và ý nghĩa của đại hội thể thao dành cho người khuyết tật Pa-ra-lim-pích.	- Lịch sử ra đời của Pa-ra-lim-pích - Vượt qua những nỗi đau	Văn bản được triển khai theo trật tự thời gian, dưới dạng thức các câu chuyện

Câu 2.

- Văn bản: *Thông tin ngày Trái đất năm 2000*

- Sơ đồ tư duy: *Thông tin ngày Trái đất năm 2000*



Câu 3.

Dàn ý: Bài văn thuyết minh về môn bóng đá

1. Mở bài: Giới thiệu về đối tượng cần thuyết minh.

2. Thân bài:

*** Các quy tắc, điều luật trong bóng đá:**

- Người chơi: chia làm hai đội, mỗi đội bao gồm 11 cầu thủ trên sân, trong đó có một thủ môn.
- Dụng cụ, trang phục: áo, quần, tất, giày chuyên dụng, bọc ống đồng, băng tay (thủ môn). Không được phép sử dụng các dụng cụ gây nguy hiểm cho bản thân và các cầu thủ khác.
- Thời gian trận đấu: mỗi trận bao gồm hai hiệp, mỗi hiệp kéo dài 45 phút. Thời gian nghỉ giữa hiệp không quá 15 phút. Thời gian bù giờ phụ thuộc vào tình hình thi đấu trên sân.
- Luật chơi:
 - + Không được sử dụng tay để chơi bóng (trừ thủ môn).
 - + Mỗi đội được thay thế tối đa ba người.
 - + Trước mỗi hiệp đấu, hai đội sẽ tiến hành phát bóng để bắt đầu. Nếu đội A phát bóng trong hiệp 1 thì đội B sẽ phát bóng trong hiệp 2. Quyền phát bóng thường được quyết định dựa trên kết quả tung đồng xu.
 - + Không được có những hành động khiếm nhã, lăng mạ, gây nguy hiểm đến sự an toàn của cầu thủ khác.
 - + Nghiêm cấm hành vi sử dụng các chất kích thích và doping trước khi thi đấu.
 - + Về vị trí đá phạt: tất cả cầu thủ đội bạn phải cách bóng tối thiểu 9,15m và phải đứng ngoài khu vực phạt đền cho tới khi cầu thủ sút phạt.
 - + Ném biên: Cầu thủ đội bên đứng cách xa vị trí ném biên ít nhất 2m.

3. Kết thúc: Khẳng định lại ý nghĩa của môn bóng đá.

Câu 4.

Chọn vấn đề tranh biện: Trí thông minh nhân tạo có phải là một mối đe dọa đối với con người?

Gợi ý nội dung tranh biện

Ý kiến đồng tình:

*** Tác hại:**

- Tốn chi phí
- Tỷ lệ thất nghiệp tăng
- Tác động tới tâm lý con người thông qua việc nhân tính hóa máy móc
- Làm con người thiếu sự linh hoạt, phụ thuộc máy móc
- Rò rỉ dữ liệu, đe dọa an ninh
- Kiểm soát xã hội

Ý kiến phản biện:

*** AI có tính ứng dụng cao trong đời sống:**

- Khoa học và nghiên cứu:

- + Phân tích dữ liệu khoa học
- + Dự đoán và mô phỏng
- + Nghiên cứu dược phẩm

- Y tế:

- + Chẩn đoán bệnh
- + Điều phối điều trị
- + Chăm sóc sức khỏe thông minh

- Giáo dục:

- + Học tập cá nhân hóa

+ Cải thiện đánh giá và phân loại

+ Hỗ trợ giảng dạy

- Sản xuất công nghiệp:

- + Tự động hóa
- + Quản lý tồn kho và dự báo nhu cầu

*** AI đem lại lợi ích to lớn:**

- Phát hiện rủi ro
- Tiết kiệm sức lao động
- Giúp kích thích sự sáng tạo của con người
- Xóa nhòa khoảng cách ngôn ngữ
- Cá nhân hóa dữ liệu người dùng,...

THỰC HÀNH ĐỌC TẠI NHÀ

CA NHẠC Ở MIỆT VƯỜN (TRÍCH VĂN MINH MIỆT VƯỜN) SƠN NAM

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp:**

- HS xác định được đề tài, chủ đề của văn bản, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu trong văn bản.
- HS nhận biết và đánh giá được thái độ, quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản.
- HS biết tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống và với những văn bản khác.

2. Phẩm chất: Biết coi trọng giá trị của thông tin, không ngừng mở mang hiểu biết về đời sống xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, các dụng cụ khác: bút màu, bút lông, bảng phụ, giấy A0, A4, giấy nhớ,...

2. Học liệu: Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối với những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

b. Nội dung hoạt động: Kiến thức, vốn sống của HS có liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Hiểu biết của HS về *ca nhạc Miệt Vườn*.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS nghe một đoạn đờn ca tài tử - Em cảm nhận như thế nào về âm nhạc Nam Bộ? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS nghe và thực hiện yêu cầu của GV Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS thể hiện cảm nhận cá nhân Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, dẫn vào bài thực hành đọc	HS chia sẻ cảm nhận về âm nhạc Nam Bộ sau khi nghe đoạn đờn ca tài tử

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hành đọc hiểu văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS đọc văn bản và tìm hiểu tri thức có liên quan.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc văn bản và chú thích - GV gọi 3 HS đọc văn bản, 1 HS đọc chú thích. 2. Tìm hiểu chung văn bản:	I. Đọc và tìm hiểu chung văn bản 1. Đọc văn bản và chú thích 2. Tìm hiểu chung văn bản a. Tác giả (chú thích Sgk) b. Bố cục văn bản: 3 đoạn

? Hãy xác định bố cục của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - NV1: HS đọc văn bản và chú thích - NV2: Xác định bố cục của văn bản Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trả lời - Các HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức chung.	- Đoạn 1. Từ đầu đến “Để khai thác thương mại”: Giới thiệu về ca nhạc, thứ người Nam Bộ yêu thích lúc bấy giờ. - Đoạn 2. Tiếp đến “có sáng kiến cải cách nhạc cụ”: Những am hiểu về hình thức và nội dung của đờn ca. - Đoạn 3. Còn lại: Sự phát triển của đờn ca và ca nhạc Miệt Vườn
---	--

2.2. Thực hành đọc văn bản

a. Mục tiêu:

- HS xác định được đề tài, chủ đề của văn bản, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu trong văn bản.
- HS nhận biết và đánh giá được thái độ, quan điểm của tác giả được thể hiện trong văn bản.
- HS biết tạo mối liên hệ giữa những thông tin trong văn bản với đời sống và với những văn bản khác.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ, gợi ý cho HS thực hiện theo nhóm.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Phiếu học tập (Nhóm 1)

Ý chính	Ý phụ	Chủ đề
Đánh giá cách trình bày dữ liệu của tác giả:		

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nghiên cứu văn bản, thảo luận theo nhóm, cụ thể: Nhóm 1: Tìm hiểu bố cục, mạch lạc của văn bản (hoàn thành phiếu học tập bên trên) Nhóm 2. Tìm hiểu mục đích viết và quan điểm, thái độ của tác giả. Nhóm 3. Tìm hiểu thông điệp từ văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	II. Thực hành đọc văn bản 1. Bố cục, mạch lạc của văn bản - Chủ đề, - Các ý chính, ý phụ - Cách trình bày dữ liệu trong văn bản (Phiếu học tập – Phụ lục) 2. Mục đích viết và quan điểm, thái độ của tác giả - Mục đích viết để giới thiệu về một loại hình âm nhạc ở miền Tây (vùng Miệt Vườn), nơi đây một thời sôi nổi, gây tiếng vang về âm nhạc. - Qua bài viết này, tác giả bày tỏ thái độ tôn trọng về

- HS thảo luận nhóm, hoàn thành sản phẩm - GV khích lệ, động viên các nhóm hoàn thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện nhóm HS trình bày sản phẩm trước lớp. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	giá trị của một vùng miền địa phương, từ đó thêm yêu và tự hào về những giá trị ấy qua thời gian. 3. Thông điệp từ văn bản Qua thời gian, những giá trị, vẻ đẹp của dân tộc có thể bị mai một, điều quan trọng là chúng ta cần có việc làm mang tính chất sáng tạo, phát huy văn hóa truyền thống trong hoàn cảnh mới, đón nhận cái hay, cái đẹp của nước ngoài kết hợp sáng tạo với cái cũ, truyền thống của ta.
--	---

2.3. Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: HS biết cách tự đọc văn bản thông tin

b. Nội dung: HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ kinh nghiệm đọc hiểu văn bản thông tin

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Hãy chia sẻ thêm kinh nghiệm đọc hiểu văn bản thông tin sau văn bản thực hành đọc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động thảo luận theo cặp ghi kết quả ra giấy nhớ. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện một số cặp phát biểu. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá kết quả, lưu ý kinh nghiệm đọc hiểu văn bản thông tin.	III. Tổng kết Kinh nghiệm đọc hiểu văn bản thông tin: - Xác định được bố cục, chủ đề, các ý chính, ý phụ và cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả của chúng. - Hiểu được mục đích và quan điểm, thái độ của người viết - Rút ra được thông điệp của văn bản.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn và kết nối đọc – viết.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập luyện tập, vận dụng theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Bài tập tự luyện và tìm hiểu thêm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ NV1: Thuyết minh về một loại hình nghệ thuật em yêu thích. NV2: Tìm hiểu mở rộng về các tác phẩm nghệ thuật âm nhạc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện ở nhà (cá nhân tự luyện). Bước 3: Báo cáo, thảo luận	- Bài thuyết minh về một loại hình nghệ thuật em yêu thích (HS gửi vào nhóm lớp). - Sản phẩm tìm hiểu

- HS gửi bài vào nhóm lớp – hạn 1 tuần. - Các HS nhận xét, đánh giá theo phân công chéo từ giáo viên. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét sản phẩm của HS, định hướng kiến thức, kĩ năng.	mở rộng về các tác phẩm nghệ thuật âm nhạc (HS gửi vào nhóm lớp).
--	---

Phụ lục:

Phiếu học tập (Nhóm 1)

Ý chính	Ý phụ	Chủ đề
1. Lịch sử hình thành của ca nhạc Nam Bộ	- Ca nhạc giai đoạn đầu thế kỉ XX: + Được in ấn bởi một chủ tiệm bán và sửa xe đạp + Nhà xuất bản và một số tác phẩm được xuất bản đầu thế kỷ XX - Sự chuyển mình của ca nhạc.	Ca nhạc Nam Bộ
2. Đờn ca tài tử	- Giới thiệu về đờn ca tài tử: + bộ môn văn nghệ thịnh hành + nội dung, + cách chơi, + người thưởng thức - Đờn ca tài tử trở thành món ăn tinh thần của người dân Nam Bộ	

Đánh giá cách trình bày dữ liệu của tác giả: Cách trình bày dữ liệu của tác giả trong văn bản rất độc đáo. Trình tự được tác giả sắp xếp theo thời gian và mỗi một giai đoạn, một sự kiện đều được tác giả gắn với một câu chuyện đời thực, gần gũi, thân thương.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập luyện tập, vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng thêm các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài 9:** Lựa chọn và hành động (Đọc Tri thức Ngữ văn và chuẩn bị văn bản 1. *Bài ca ngất ngưởng* – Nguyễn Công Trứ).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....